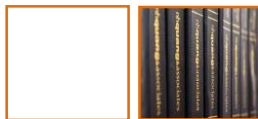


nh**quang**'s research

BÁO CÁO

RÀ SOÁT THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ BẢO ĐẢM QUYỀN TIẾP CẬN THÔNG TIN CỦA CÔNG DÂN

Tháng 04 năm 2015



BÁO CÁO

Rà soát thực trạng pháp luật về bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân

Theo thỏa thuận hợp tác giữa Bộ Tư pháp với Dự án Quản trị Nhà nước nhằm tăng trưởng toàn diện (GIG), Dự án GIG hỗ trợ Bộ Tư pháp tiến hành rà soát thực trạng hệ thống pháp luật về bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân nhằm phục vụ cho công tác xây dựng Luật Tiếp cận thông tin với những nội dung cơ bản như sau:

I. MỤC TIÊU, PHẠM VI, PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG BÁO CÁO

1. Mục tiêu

Theo Nghị quyết số 70/2014/QH13 ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Quốc hội về điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII, năm 2014 và Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2015, dự án Luật tiếp cận thông tin sẽ được trình Quốc hội cho ý kiến vào kỳ họp thứ 10. Để có những cơ sở khoa học và thực tiễn, một nghiên cứu đánh giá thực trạng hệ thống pháp luật về bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân là rất cần thiết. Do vậy, báo cáo nghiên cứu này đặt ra các mục tiêu như:

- Đánh giá tổng thể thực trạng pháp luật hiện hành về ghi nhận và bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân trên các tiêu chí:
 - phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền tiếp cận thông tin và các nguyên tắc bảo đảm quyền con người, quyền công dân của Hiến pháp năm 2013;
 - tính đầy đủ, thống nhất, phù hợp, khả thi của các quy định hiện hành về quyền tiếp cận thông tin;
 - loại bỏ những vướng mắc, bất cập chồng chéo, mâu thuẫn hoặc những khoảng trống của pháp luật điều chỉnh về trách nhiệm của Nhà nước trong việc ghi nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân.
- Đề xuất một số giải pháp xây dựng và hoàn thiện pháp luật về bảo đảm quyền tiếp cận thông tin trên cơ sở bảo đảm cụ thể hóa quy định của Hiến pháp năm 2013, hài hòa và tương thích với các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (như Công ước về quyền dân sự, chính trị và các cam kết quốc tế).

2. Phạm vi

- Nghiên cứu các quy định của Hiến pháp năm 1992, Hiến pháp năm 2013 về quyền tiếp cận thông tin, quyền con người, quyền công dân và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc tổ chức thực thi các biện pháp bảo vệ, bảo đảm thực hiện các quyền này.

- Rà soát hệ thống pháp luật hiện hành có liên quan đến việc tiếp cận thông tin của người dân, bao gồm các luật, pháp lệnh, nghị định, thông tư, quy chế làm việc của các cơ quan nhà nước, trong đó tập trung vào các lĩnh vực pháp luật điều chỉnh những vấn đề có liên quan trực tiếp tới đời sống dân sinh, hoạt động sản xuất- kinh doanh, đến việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công dân, như tài chính, ngân sách, doanh nghiệp, đất đai, môi trường, an sinh xã hội, vệ sinh an toàn thực phẩm..; các lĩnh vực về tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước, các quy định pháp luật liên quan đến hạn chế tiếp cận thông tin như quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật đời tư, bí mật kinh doanh, thông tin lưu trữ... Hơn 15 lĩnh vực pháp luật với 134 văn bản quy phạm pháp luật (“VBQPPL”) (*Xem Bảng tổng hợp rà soát - Phụ lục số 2*).

3. Phương pháp

Báo cáo được xây dựng nhằm làm rõ những vấn đề sau:

1. Thông tin và nội hàm của quyền tiếp cận thông tin hiện nay tại Việt Nam.
2. Chủ thể có quyền tiếp cận thông tin, chủ thể cung cấp thông tin.
3. Thông tin được tiếp cận (gồm thông tin được công bố, thông tin được cung cấp theo yêu cầu) và thông tin bị hạn chế tiếp cận (gồm phạm vi bí mật nhà nước, bí mật đời tư, bí mật kinh doanh, thông tin trong quá trình thanh tra, kiểm tra, hoạt động tố tụng, thông tin lưu trữ ...)
4. Các hình thức cung cấp thông tin (công bố công khai thông tin, cung cấp thông tin theo yêu cầu).
5. Thủ tục tiếp cận thông tin: trình tự thủ tục theo hình thức cung cấp thông tin.
6. Các điều kiện bảo đảm việc tiếp cận thông tin: lưu giữ thông tin, phương tiện kỹ thuật bảo đảm cho việc công bố công khai thông tin, nguồn nhân lực cho việc cung cấp thông tin và các hình thức xử lý vi phạm liên quan đến trách nhiệm bảo đảm quyền được thông tin/tiếp cận thông tin của tổ chức, cá nhân và phí để người dân tiếp cận thông tin.

Trên cơ sở các vấn đề đã được xác định, nghiên cứu rà soát toàn bộ các quy định pháp luật hiện hành theo phương pháp xử lý thông tin theo ma trận theo hướng: 8 trục dọc là những vấn đề cần phân tích: (i) loại thông tin; (ii) chủ

thể cung cấp thông tin; (iii) chủ thể được tiếp cận thông tin; (iv) cách thức tiếp cận thông tin; (v) hình thức công khai, cung cấp thông tin; (vi) trình tự, thủ tục; (vii) điều kiện bảo đảm; (viii) phí tiếp cận thông tin; (ix) dẫn chiếu quy định pháp luật; các dòng ngang là quy định pháp luật được rà soát. Báo cáo tổng hợp đã được xây dựng trên cơ sở rà soát bằng phương pháp này.

II. QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TRÊN CÁC TIÊU CHÍ CƠ BẢN BẢO ĐẢM QUYỀN TIẾP CẬN THÔNG TIN CỦA CÔNG DÂN

1. Thông tin và nội hàm của quyền tiếp cận thông tin theo các quy định của pháp luật hiện hành

Ở nước ta, *quyền được thông tin* được Hiến pháp năm 1992 (Điều 69) quy định là một trong những quyền cơ bản của công dân¹. Đến Hiến pháp năm 2013, quyền này được đổi thành *quyền tiếp cận thông tin* (Điều 25). Vì vậy, vấn đề đầu tiên cần làm rõ là khái niệm về thông tin và nội hàm của “quyền được thông tin” và “quyền tiếp cận thông tin” đang được quy định như thế nào trong hệ thống pháp luật hiện hành.

1.1. Về khái niệm thông tin:

Hiện nay, chưa có VBQPPL nào đưa ra định nghĩa về “thông tin” hay giải thích rõ khái niệm “thông tin” theo các quy định của các bản Hiến pháp nêu trên. Một số VBQPPL có định nghĩa về thông tin trong các lĩnh vực cụ thể như:

- “*Thông tin đối ngoại* là thông tin quảng bá hình ảnh quốc gia, đất nước, con người, lịch sử, văn hoá dân tộc Việt Nam; thông tin về chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật, chính sách của Nhà nước Việt Nam ra thế giới và thông tin về thế giới vào Việt Nam”. (Điều 2 Quyết định số 79/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại)

- “*Thông tin môi trường* là số liệu, dữ liệu về môi trường dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự” (Điều 3 khoản 29 Luật Bảo vệ môi trường) với các nội dung “*về thành phần môi trường, các tác động đối với môi trường, chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, hoạt động bảo vệ môi trường*” (khoản 1 Điều 128 Luật Bảo vệ môi trường);

¹ Đây là quyền mới được bổ sung vào Hiến pháp năm 1992, các bản Hiến pháp của nước ta trước đó như Hiến pháp năm 1946, năm 1959 và năm 1980 đều chưa quy định về quyền. Mặc dù không được quy định trực tiếp trong các bản Hiến pháp năm 1946, 1959 và năm 1980 nhưng vẫn có một số học giả cho rằng quyền được thông tin của công dân đã được quy định một cách gián tiếp tại Hiến pháp năm 1946. Điều 9 của Hiến pháp năm 1946 ghi nhận quyền tự do ngôn luận và xuất bản, Điều 21 ghi nhận quyền bãi miễn các đại biểu do mình bầu ra, Điều 21, 32, 70 ghi nhận quyền phúc quyết của nhân dân về Hiến pháp và những việc quan hệ đến vận mệnh quốc gia...

- “*Thông tin về sử dụng dịch vụ bưu chính* gồm nội dung bưu gửi, thông tin về họ tên, địa chỉ, số điện thoại (nếu có) của người gửi, người nhận và các thông tin có liên quan” (khoản 15 Điều 3 Luật Bưu chính).

- “*Thông tin số là thông tin được tạo lập bằng phương pháp dùng tín hiệu số*” (khoản 2 Điều 4 Luật Công nghệ thông tin),

- “*Thông tin điện tử trên Internet*” được quy định tại Nghị định số 72/2013/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet “*Thông tin trên mạng là thông tin được lưu trữ, truyền đưa, thu thập và xử lý thông tin qua mạng*” (khoản 13 Điều 3 Luật Công nghệ thông tin); trong đó chia làm các loại :

+ “*Thông tin công cộng*” là thông tin trên mạng của một tổ chức, cá nhân được công khai cho tất cả các đối tượng mà không cần xác định danh tính, địa chỉ cụ thể của các đối tượng đó” (khoản 14 Điều 3 Luật Công nghệ thông tin);

+ “*Thông tin riêng*” là thông tin trên mạng của một tổ chức, cá nhân mà tổ chức, cá nhân đó không công khai hoặc chỉ công khai cho một hoặc một nhóm đối tượng đã được xác định danh tính, địa chỉ cụ thể” (khoản 15 Điều 3 Luật Công nghệ thông tin);

+ “*Thông tin cá nhân*” là thông tin gắn liền với việc xác định danh tính, nhân thân của cá nhân bao gồm tên, tuổi, địa chỉ, số chứng minh nhân dân, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử và thông tin khác theo quy định của pháp luật” (khoản 16 Điều 3 Luật Công nghệ thông tin).

Một số VBQPPL không quy định trực tiếp khái niệm thông tin trong lĩnh vực điều chỉnh mà đưa ra các khái niệm về những vật chứa thông tin hoặc nội dung của thông tin, như:

- Khái niệm *tài liệu* và *tài liệu lưu trữ* trong Luật Lưu trữ, theo đó: *Tài liệu* là vật mang tin được hình thành trong quá trình hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân; tài liệu bao gồm văn bản, dự án, bản vẽ thiết kế, bản đồ, công trình nghiên cứu, sổ sách, biểu thống kê; âm bản, dương bản phim, ảnh, vi phim; băng, đĩa ghi âm, ghi hình; tài liệu điện tử; bản thảo tác phẩm văn học, nghệ thuật; sổ công tác, nhật ký, hồi ký, bút tích, tài liệu viết tay; tranh vẽ hoặc in; ấn phẩm và vật mang tin khác và *tài liệu lưu trữ* là tài liệu có giá trị phục vụ hoạt động thực tiễn, nghiên cứu khoa học, lịch sử được lựa chọn để lưu trữ) (khoản 2, 3 Điều 2 Luật Lưu trữ). Theo Luật Lưu trữ thì thông tin là nội dung được chứa đựng trong các tài liệu lưu trữ. Tương tự với các tiếp cận này, dự thảo thông tư quy định về hoạt động cung cấp thông tin công cộng qua biên giới của Bộ Thông tin truyền thông cũng chỉ quy định “*Cung cấp thông tin công cộng qua biên giới là việc tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài thiết lập hệ thống thiết bị tại nước ngoài hoặc sử dụng dịch vụ cho thuê chỗ lưu trữ trên mạng ở nước ngoài và cung cấp thông tin công cộng cho người sử dụng tại Việt Nam hoặc có truy nhập từ Việt Nam (sau đây gọi tắt là người sử dụng tại Việt Nam), dưới một trong các hình thức sau đây a) Trang thông tin điện tử; b) Mạng xã hội; c) Công cụ tìm kiếm thông tin (searching); d) Các ứng dụng trên mạng*

(Application) và các loại hình tương tự khác cung cấp thông tin công cộng cho phép người sử dụng truy cập, tải về..”²;

- Pháp lệnh bảo vệ bí mật nhà nước không định nghĩa “*thông tin bí mật nhà nước*” mà chỉ xác định khái niệm *Bí mật nhà nước* là những **tin** về vụ, việc, tài liệu, vật, địa điểm, thời gian, lời nói có nội dung quan trọng thuộc lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế, khoa học, công nghệ, các lĩnh vực khác mà Nhà nước không công bố hoặc chưa công bố và nếu bị tiết lộ thì gây nguy hại cho Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam” (Điều 1 Pháp lệnh bảo vệ bí mật nhà nước);

- Khái niệm “*thông tin pháp luật*” cũng không được quy định tại Luật phổ biến giáo dục pháp luật năm 2012 mà chỉ ghi nhận quyền được thông tin về pháp luật của công dân để phù hợp với Hiến pháp năm 1992 (Điều 1) và quy định *những loại thông tin pháp luật phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử* (bao gồm các thông tin về VBQPPL liên quan đến lĩnh vực hoạt động của cơ quan, tổ chức; VBQPPL do cơ quan ban hành hoặc do cơ quan, tổ chức phối hợp ban hành; các thủ tục hành chính liên quan trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp thuộc trách nhiệm của cơ quan, tổ chức; dự thảo VBQPPL được công bố để lấy ý kiến theo quy định của pháp luật (Điều 13 Luật phổ biến giáo dục pháp luật)

Như vậy, có thể thấy một số VBQPPL có quy định về khái niệm thông tin thuộc lĩnh vực chuyên ngành nhưng chưa có một quy định định nghĩa hoặc khái niệm về thông tin. Do đó, việc thực thi các quy định về cung cấp thông tin trong các lĩnh vực đó còn gặp khó khăn.

1.2. Về khái niệm và nội hàm quyền được thông tin, quyền tiếp cận thông tin:

Quyền được thông tin của công dân theo Hiến pháp năm 1992 và *quyền tiếp cận thông tin của công dân* theo Hiến pháp năm 2013 tuy đã được ghi nhận nhưng chưa có VBQPPL nào giải thích một cách chính thức khái niệm và nội hàm của các quyền này. Một số VBQPPL chuyên ngành chỉ quy định về trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc công khai, minh bạch một số thông tin trong một số lĩnh vực cụ thể hoặc quyền của báo chí yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin về các vấn đề thuộc phạm vi hoạt động của cơ quan, tổ chức đó.

Do vậy, để đánh giá mức độ phù hợp của các quy định của pháp luật hiện hành về nội hàm của quyền được thông tin, quyền tiếp cận thông tin so với quy định liên quan của các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, Báo cáo đã tham chiếu Điều 19 Công ước của Liên hợp quốc về các quyền dân sự, chính trị quy định về *quyền tự do biểu đạt/ quyền tự do ngôn luận*³, theo đó, quyền này

² Dự thảo thông tư quy định về hoạt động cung cấp thông tin công cộng qua biên giới của Bộ Thông tin truyền thông, đăng trên website của Bộ Thông tin truyền thông, <http://mic.gov.vn/layknd/Trang/DựthảoThôngtưQuyđịnhhchitiếtvehoạtđộngcungcấpthôngtincôngcộngquabiêngiới.aspx>

³ “2. Mọi người có quyền tự do ngôn luận. Quyền này bao gồm tự do tìm kiếm, tiếp nhận và truyền đạt mọi

bao gồm ít nhất ba bộ phận: (i) tự do tìm kiếm; (ii) tự do tiếp nhận; và (iii) tự do truyền đạt thông tin dưới mọi hình thức⁴. Qua rà soát, bước đầu có thể thấy các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam đã ghi nhận ở những mức độ khác nhau trong những lĩnh vực cụ thể cả 3 bộ phận này của quyền tự do ngôn luận:

Quyền tự do tìm kiếm, trao đổi thông tin: Theo đó, cá nhân, tổ chức ngoài việc tìm kiếm thông tin bằng các phương tiện nghe, nhìn, và thông tin trong sách, báo truyền thống, việc tìm kiếm thông tin có thể thực hiện thông qua mạng internet. Theo quy định của Luật công nghệ thông tin năm 2006, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin có quyền tìm kiếm trao đổi, sử dụng thông tin trên môi trường mạng, có quyền yêu cầu khôi phục thông tin của mình hoặc khôi phục khả năng truy cập đến nguồn thông tin của mình, từ chối cung cấp hoặc nhận trên môi trường mạng sản phẩm, dịch vụ trái với quy định của pháp luật và phải chịu trách nhiệm về việc đó (Điều 8).

Quyền tiếp nhận thông tin bằng cách các cơ quan nhà nước công bố công khai thông tin do mình nắm giữ, được thể hiện trong nhiều văn bản luật khác nhau, ví dụ Luật Ban hành VBQPPL, Luật Ngân sách nhà nước năm 2002, Luật Kế toán năm 2003, Luật Kiểm toán nhà nước năm 2005... Điều 131 Luật Bảo vệ môi trường quy định cơ quan công khai thông tin môi trường bảo đảm thuận tiện cho những đối tượng có liên quan tiếp nhận thông tin và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin. Khoản 3 Điều 3 Luật ban hành VBQPPL quy định “*Bảo đảm tính công khai trong quá trình xây dựng, ban hành VBQPPL trừ trường hợp VBQPPL có nội dung thuộc bí mật nhà nước, bảo đảm tính minh bạch trong các quy định của pháp luật*”. Khoản 6 Điều 33 của Luật ban hành VBQPPL quy định nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo là phải “*Chuẩn bị dự thảo, tờ trình, bản thuyết minh chi tiết về dự án, dự thảo; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân; báo cáo đánh giá tác động của dự thảo văn bản và đăng tải các tài liệu này trên Trang thông tin điện tử của Chính phủ hoặc của cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo*”. Khoản 2 Điều 78 Luật này cũng quy định rõ *VBQPPL không đăng công báo thì không có hiệu lực thi hành* (trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước). Điều 3 Luật Ngân sách nhà nước năm 2002, ngân sách nhà nước được quản lý thống nhất theo nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch; dự toán, kiểm toán, kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước, ngân sách các cấp, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ phải công bố công khai (Khoản 1 Điều 13). Những cơ quan này bao gồm cơ quan hành chính,

thông tin, ý kiến, không phân biệt lĩnh vực, hình thức tuyên truyền bằng miệng, bằng bản viết, in, hoặc dưới hình thức nghệ thuật, thông qua bất kỳ phương tiện thông tin đại chúng nào tùy theo sự lựa chọn của họ.

3. Việc thực hiện những quyền quy định tại khoản 2 điều này kèm theo những nghĩa vụ và trách nhiệm đặc biệt. Do đó, việc này có thể phải chịu một số hạn chế nhất định, tuy nhiên, những hạn chế này phải được quy định trong pháp luật và là cần thiết để:

a) Tôn trọng các quyền hoặc uy tín của người khác,

b) Bảo vệ an ninh quốc gia hoặc trật tự công cộng, sức khoẻ hoặc đạo đức của xã hội” (Điều 19, Công ước về các quyền dân sự, chính trị).

⁴ Điều 19 Công ước về các quyền dân sự, chính trị.

đơn vị sự nghiệp, tổ chức có sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước (Điều 32, Luật Kế toán năm 2003)...

Các VBQPPL về tổ chức bộ máy các cơ quan nhà nước có quy định về công khai hoạt động, cung cấp tin tức để người dân được tiếp cận thông tin, như Luật tổ chức Chính phủ yêu cầu Thủ tướng phải “Thực hiện chế độ báo cáo trước nhân dân về những vấn đề quan trọng thông qua những báo cáo của Chính phủ trước Quốc hội, trả lời của Chính phủ đối với chất vấn của đại biểu Quốc hội và ý kiến phát biểu với cơ quan thông tin đại chúng” (khoản 9 Điều 20 Luật tổ chức Chính phủ). Các quy định pháp luật về tố tụng cũng quy định công khai trong hoạt động xét xử⁵. Các thủ tục hành chính trong giải quyết công việc của công dân cũng phải được cơ quan nhà nước công khai để tạo điều kiện cho người dân trong việc giải quyết công việc của mình.

Quyền tiếp nhận thông tin bằng cách yêu cầu cung cấp thông tin: cá nhân và tổ chức có quyền yêu cầu cung cấp thông tin mà các cơ quan công quyền đang nắm giữ loại trừ các thông tin mật. Luật phòng, chống tham nhũng ghi nhận quyền yêu cầu cung cấp thông tin của cá nhân, cơ quan, tổ chức (trong đó có cơ quan báo chí, các phóng viên). Cơ quan, tổ chức được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu đó theo quy định của pháp luật, trường hợp không cung cấp thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do (Điều 86). Cơ quan nhà nước có nghĩa vụ cung cấp thông tin về hoạt động của mình trong công tác phòng, chống tham nhũng cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên khi có yêu cầu (Điều 6 Nghị định số 47/2007/NĐ-CP ngày 27/3/2007 của Chính phủ hướng dẫn Luật phòng, chống tham nhũng về vai trò, trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống tham nhũng).

Điều 7 Luật Báo chí năm 1989 (được sửa đổi, bổ sung năm 1999) quy định việc cung cấp thông tin cho báo chí vừa là quyền, vừa được coi là nghĩa vụ của các cơ quan và công chức nhà nước. Điều 8 Luật này quy định người đứng đầu cơ quan báo chí có quyền yêu cầu các tổ chức, người có chức vụ trả lời vấn đề mà công dân nêu ra trên báo chí. Theo Nghị định số 51/2002/NĐ-CP ngày 26/4/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Báo chí, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí, nhà báo có quyền đến cơ quan, tổ chức để thu thập thông tin, tra cứu tài liệu, làm nghiệp vụ báo chí; được thực hiện các hoạt động nghiệp vụ tại các kỳ họp Quốc hội, HĐND các cấp, các đại hội và hội nghị công khai, các cuộc mít tinh, đón tiếp khách của Đảng, Nhà nước, được hoạt động nghiệp vụ lấy tin, chụp ảnh, quay phim, ghi âm tại các phiên tòa xét xử công khai... Ngoài các hình thức yêu cầu cung cấp thông tin một cách trực tiếp và thông qua báo chí, công chúng còn có thể đưa ra yêu cầu tiếp cận với thông tin của các cơ quan nhà nước qua một số kênh khác như thông qua các đại biểu Quốc hội, HĐND các cấp, hoặc qua các cuộc họp dân, hay thông qua hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo.

⁵ Điều 15, Điều 97, Điều 208, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự 2004; Điều 18, Bộ luật tố tụng hình sự 2003; Điều 17, Điều 95, Điều 100, Điều 101, Bộ luật tố tụng hành chính 2010.

Quyền phổ biến thông tin: Luật Xuất bản đã quy định nguyên tắc đảm bảo quyền phổ biến tác phẩm và bảo hộ quyền tác giả, theo đó Nhà nước đảm bảo quyền phổ biến tác phẩm dưới hình thức xuất bản phẩm thông qua nhà xuất bản và bảo hộ quyền tác giả (Điều 5). Luật Xuất bản cũng quy định cho phép các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức khác được thành lập nhà xuất bản và cho phép các nhà xuất bản được liên kết với tác giả, chủ sở hữu tác phẩm, cá nhân có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về in, hoặc phát hành xuất bản phẩm và tổ chức có tư cách pháp nhân để tổ chức bản thảo, in và phát hành từng xuất bản phẩm. Luật phổ biến giáo dục pháp luật quy định nội dung, hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền (Điều 1).

Liên quan đến quyền phổ biến thông tin, Luật Báo chí năm 1989 (được sửa đổi, bổ sung năm 1999) đã quy định: “*Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để công dân thực hiện quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí*” (Điều 2). Luật cũng quy định trách nhiệm của báo chí là đăng, phát sóng tác phẩm, ý kiến của công dân. Theo quy định của Luật này, công dân có quyền được thông tin qua báo chí về mọi mặt của tình hình đất nước và thế giới; tiếp xúc, cung cấp thông tin cho cơ quan báo chí và nhà báo; gửi tin, bài, ảnh và tác phẩm khác cho báo chí mà không chịu sự kiểm duyệt của tổ chức, cá nhân nào và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin; phát biểu ý kiến về tình hình đất nước và thế giới; tham gia ý kiến xây dựng và thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; góp ý kiến, phê bình, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo trên báo chí đối với các tổ chức của Đảng, cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và thành viên của các tổ chức đó.

Như vậy, có thể thấy, dù chưa có định nghĩa hay giải thích chính thức về nội hàm của quyền được thông tin, quyền tiếp cận thông tin, nhưng ở mức độ nhất định, pháp luật hiện hành của nước ta cũng đã ghi nhận và tạo sự tương thích của quyền tiếp cận thông tin với quan niệm và quy định về quyền tự do biểu đạt, tự do ngôn luận của các công ước, điều ước quốc tế và luật về tiếp cận thông tin của các nước trên thế giới. Tuy nhiên, trong một lĩnh vực cụ thể, nội hàm của quyền tiếp cận thông tin thường chưa bao hàm đầy đủ 3 yếu tố như trên đã phân tích.

2. Chủ thể tiếp cận thông tin, chủ thể cung cấp thông tin

2.1. Chủ thể tiếp cận thông tin

Trong 134 văn bản được rà soát với 232 loại thông tin, có đến 152 loại thông tin có quy định về chủ thể tiếp cận (chiếm 65,5%). Tuy nhiên, chủ thể tiếp cận thông tin trong các lĩnh vực được quy định khác nhau, phụ thuộc vào loại thông tin đó cần thiết và ảnh hưởng tới nhóm đối tượng nào trong xã hội.

- *Chủ thể tiếp cận thông tin không xác định, không giới hạn:* Trong nhiều lĩnh vực, VBQPPL chỉ quy định về trách nhiệm phải công bố công khai thông tin dưới các hình thức cụ thể như đăng tải trên Trang thông tin điện tử của các cơ quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc niêm yết tại trụ sở cơ quan nhà nước mà không quy định cụ thể chủ thể nào được tiếp cận các thông

tin đó⁶. Điều này đồng nghĩa với việc không có giới hạn về chủ thể có thể tiếp cận, vì các thông tin này được đăng tải rộng rãi và mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể tiếp cận, khai thác, sử dụng theo nhu cầu mà không có bất kỳ sự giới hạn nào.

- *Chủ thể tiếp cận thông tin là mọi cá nhân*: Trong một số lĩnh vực có liên quan tới sức khỏe cộng đồng, tới quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, tại các văn bản quy định chủ thể được tiếp cận thông tin là "mọi người"⁷ hoặc quy định chủ thể là "nhân dân"⁸, "nhân dân trên địa bàn"⁹. Theo quy định này, chủ thể được tiếp cận thông tin mặc dù là rất rộng và không có giới hạn cụ thể, nhưng được hiểu là các tư cách cá nhân mà không bao gồm chủ thể là cơ quan, tổ chức.

- *Chủ thể tiếp cận thông tin là công dân*: Trong một số văn bản, chủ thể tiếp cận thông tin được quy định rõ là "công dân", như thông tin về quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã được phê duyệt...

- *Chủ thể tiếp cận thông tin là các cá nhân, tổ chức, cơ quan*: Trong các lĩnh vực xây dựng, nhà ở, đất đai, môi trường, tài nguyên, khiếu nại, tố cáo..., là các lĩnh vực có nhiều thông tin liên quan tới cả các cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân, pháp luật quy định cụ thể chủ thể có quyền tiếp cận thông tin trong các lĩnh vực này là "cơ quan, tổ chức, cá nhân"¹⁰ hoặc "tổ chức, cá nhân", "cá nhân, tổ chức, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đại diện cộng đồng dân cư", "cộng đồng dân cư trên địa bàn". Quy định này mặc dù xác định rõ chủ thể được tiếp cận thông tin, nhưng thực tế đã bao quát tất cả các đối tượng trong xã hội và không giới hạn tới bất kỳ chủ thể nào. Điều đó có nghĩa mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân không phân biệt giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài, cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước... đều được tiếp cận thông tin trong các lĩnh vực này.

- *Chủ thể tiếp cận thông tin là các cá nhân, tổ chức có liên quan trực tiếp tới các thông tin trong lĩnh vực cụ thể*: Đối với các lĩnh vực chuyên môn sâu, các quy định về chủ thể được tiếp cận thông tin rất cụ thể và có giới hạn rõ ràng, chỉ trong phạm vi một số chủ thể nhất định có liên quan trực tiếp tới các thông

⁶ Như các thông tin về giá thuốc (Luật Dược); các thông tin của toàn ngành, lĩnh vực do cơ quan quản lý; thông tin dịch vụ công trực tuyến của tất cả các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tất cả cơ quan chuyên môn trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp huyện của tỉnh... (Nghị định số 43/2011/NĐ-CP); các thông tin phải công khai trong các lĩnh vực quy định tại Luật phòng, chống tham nhũng... (xem thêm bảng tổng hợp rà soát chi tiết - Phụ lục 2 của Báo cáo).

⁷ Các thông tin quy định trong pháp luật về phòng chống dịch, phòng chống bệnh truyền nhiễm, thông tin về phòng chống HIV/AIDS...

⁸ Thông tin về quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng/ Điều chỉnh kế hoạch, quy hoạch bảo vệ rừng; giá rừng (Luật bảo vệ rừng)...

⁹ Thông tin về bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ... theo Luật tài nguyên nước; thông tin về quy hoạch sử dụng đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư... theo Luật đất đai; các thông tin phải công khai tại xã, phường, thị trấn theo quy định của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn...

¹⁰ Danh mục các dự án đầu tư xây dựng nhà ở trên địa bàn; Diện tích đất và các thông tin về khu vực, địa điểm dành để phát triển nhà ở xã hội; kết luận kiểm định chất lượng nhà chung cư; thông tin về loài ngoại lai xâm hại; thông tin chất lượng nguồn nước sinh hoạt, cảnh báo hiện tượng bất thường về chất lượng của nguồn nước sinh hoạt đối với các nguồn nước trên địa bàn; Các sản phẩm đã được cấp Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy Xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm;...

tin trong các lĩnh vực đó. Cụ thể: thông tin về kết quả kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất các sản phẩm thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương chỉ được công bố tới các tổ chức, cá nhân là cơ sở sản xuất, kinh doanh; đa số thông tin trong lĩnh vực khám chữa bệnh chỉ có cơ sở khám chữa bệnh, cơ quan bảo hiểm y tế, cơ quan quản lý nhà nước về khám chữa bệnh và người bệnh, người nhà bệnh nhân được tiếp cận thông tin có liên quan...

Tuy nhiên, trong một số lĩnh vực, chủ thể tiếp cận thông tin được quy định chỉ bao gồm cơ quan nhà nước¹¹, cơ quan báo chí¹².

Như vậy, chủ thể tiếp cận thông tin được quy định trong các lĩnh vực rất khác nhau và **phần lớn rộng hơn quy định của Hiến pháp năm 1992 và Hiến pháp năm 2013**. Điều 69 của Hiến pháp năm 1992 và Điều 25 Hiến pháp năm 2013 chỉ quy định về chủ thể tiếp cận là công dân. Trong khi đó, có đến 191/232 (82,3%) thông tin được rà soát quy định chủ thể tiếp cận thông tin (cả thông tin công bố công khai và thông tin được tiếp cận theo yêu cầu trong một số lĩnh vực) là tổ chức, cá nhân. do đó, người nước ngoài, người không có quốc tịch sinh sống ở Việt Nam và tổ chức nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam vẫn được tiếp cận các thông tin trong do cơ quan nhà nước chủ động công khai rộng rãi.

2.2. Chủ thể cung cấp thông tin

Rà soát 134 văn bản quy phạm pháp luật của 15 lĩnh vực của hệ thống pháp luật hiện hành cho thấy chủ thể có **trách nhiệm công bố công khai thông tin** được quy định rất rộng, bao gồm toàn bộ các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp và cả các tổ chức, cá nhân trong một số lĩnh vực. Hiện tại có tới 191/232 (82,3%) loại thông tin có quy định về thủ tục cung cấp. Tuy nhiên, xét dưới góc độ trách nhiệm bảo đảm của Nhà nước đối với quyền được thông tin hoặc quyền tiếp cận thông tin của tổ chức, cá nhân, thì chủ thể là các cơ quan thực hiện quyền lực nhà nước (công quyền) có trách nhiệm cung cấp thông tin được quy định trong các VBQPPL hiện hành bao gồm:

a) Quốc hội

- Theo quy định của Luật tổ chức Quốc hội, Quốc hội thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình tại các kỳ họp của Quốc hội và Quốc hội họp công khai. Bằng quy định này, có thể thấy Quốc hội đã công khai thông tin liên quan đến hoạt động của mình, nhất là các thông tin liên quan đến quá trình Quốc hội thảo luận công khai và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, nội dung các phiên chất vấn và trả lời chất vấn tại Quốc hội được truyền hình trực tiếp để đông đảo nhân dân trong cả nước được biết. Riêng đối với dự kiến chương trình kỳ họp Quốc hội được thông báo trên các phương

¹¹ Danh mục thực vật rừng, động vật rừng được nhập khẩu; thực vật rừng, động vật rừng cấm xuất khẩu hoặc xuất khẩu có điều kiện chỉ gửi tới các cơ quan hành chính cấp trên, Quốc hội; thông tin về hồ sơ thông tin liên quan tới nguồn gốc thực phẩm nghi ngờ gây ngộ độc chỉ được thông tin cho các Bộ, ngành có liên quan...

¹² Các thông tin phải cung cấp cho báo chí theo quy định của Luật báo chí, Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí...

tiện thông tin đại chúng chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp đối với kỳ họp thường lệ và chậm nhất là 04 ngày trước ngày khai mạc đối với kỳ họp bất thường.

Tại Điều 93 của Luật Tổ chức Quốc hội còn quy định các đại diện cơ quan nhà nước, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan báo chí và khách quốc tế có thể được mời dự các phiên họp công khai của Quốc hội; công dân có thể được vào dự thính tại các phiên họp công khai của Quốc hội.

Bên cạnh đó, theo quy định của Luật ban hành VBQPPL, Luật phổ biến giáo dục pháp luật năm 2012 thì các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội đều được đăng tải công khai, kịp thời qua các phương tiện thông tin đại chúng để người dân tham gia đóng góp ý kiến; các luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội phải được Chủ tịch nước công bố, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng, được tuyên truyền phổ biến tới mọi tầng lớp nhân dân để thực hiện.

- Hiến pháp năm 2013 quy định Quốc hội, Ủy ban thường vụ của Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội có trách nhiệm "báo cáo cử tri, báo cáo nhân dân" về kết quả hoạt động của mình. Cụ thể hóa Hiến pháp, Luật tổ chức Quốc hội còn quy định Đại biểu Quốc hội tiếp xúc cử tri ở nơi ứng cử theo chương trình tiếp xúc cử tri của Đoàn đại biểu Quốc hội. Đại biểu Quốc hội tiếp xúc cử tri ở nơi cư trú, nơi làm việc; tiếp xúc cử tri theo chuyên đề, lĩnh vực, đối tượng, địa bàn mà đại biểu quan tâm. Trong quá trình tiếp xúc cử tri, đại biểu Quốc hội có trách nhiệm báo cáo với cử tri về hoạt động của đại biểu và Quốc hội; cử tri hoặc đại diện cử tri ở đơn vị bầu cử có thể góp ý kiến với đại biểu Quốc hội tại hội nghị cử tri do Đoàn đại biểu Quốc hội phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và chính quyền địa phương tổ chức trong trường hợp cần thiết.

Thông qua các buổi tiếp xúc cử tri, các hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, tất cả những vấn đề mà cử tri quan tâm được đại biểu Quốc hội trực tiếp thông báo, trao đổi với cử tri, do đó, thông qua các phương thức này, thông tin trong toàn bộ quá trình hoạt động của Quốc hội đều được công bố công khai để nhân dân tiếp cận.

b) Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân

Theo quy định của Luật ban hành VBQPPL, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm đăng tải dự án, dự thảo VBQPPL do mình chủ trì soạn thảo trên trang thông tin điện tử để lấy ý kiến góp ý; đăng tải các VBQPPL do mình ban hành trên trang thông tin điện tử trong thời hạn chậm nhất là 2 ngày kể từ ngày ký ban hành; gửi đăng Công báo VBQPPL trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Tương tự như các cơ quan nhà nước khác, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân cũng phải đăng tải các thông tin về tổ chức và hoạt động của mình trên môi trường mạng theo quy định của Luật công nghệ thông tin và các nghị định hướng dẫn thi hành. Cũng theo Luật phòng, chống tham nhũng, hai cơ quan

này còn phải chịu trách nhiệm công bố công khai các thông tin¹³ liên quan tới các hoạt động cụ thể, mua sắm tài sản công... để phòng chống tham nhũng.

Trong Bộ luật tố tụng hình sự, Bộ luật tố tụng dân sự và Luật tố tụng hành chính, các thông tin trong toàn bộ quá trình tố tụng được tiếp cận theo trình tự, thủ tục riêng. Các cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm công khai các kết quả giải quyết khiếu nại tố cáo trong hoạt động tố tụng. Các Luật này yêu cầu tòa án khi xét xử phải công khai, “trong trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật nhà nước, thuần phong mỹ tục của dân tộc hoặc để giữ bí mật của đương sự theo yêu cầu chính đáng của họ thì Tòa án xét xử kín, nhưng phải tuyên án công khai”¹⁴. Yêu cầu này cũng được quy định tại Luật Tổ chức tòa án nhân dân (Điều 11).

Luật Tổ chức tòa án nhân dân cũng yêu cầu Chánh án TANDTC, Hội đồng thẩm phán TANDTC phải công bố án lệ (Điều 22 và Điều 27).

c) Chính phủ và hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương tới địa phương

Trong 134 VBQPPL được rà soát với 232 loại thông tin, chỉ có 107/232 (tương đương với 46,1%) loại thông tin có quy định rõ ràng trách nhiệm của Chính phủ, các cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương tới địa phương trong việc công bố công khai thông tin, cung cấp thông tin theo yêu cầu trong các lĩnh vực được phân công quản lý. Cụ thể:

- *Trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ:* theo Luật tổ chức Chính phủ, Luật báo chí và Quy chế làm việc của Chính phủ, các phiên họp của Chính phủ được công khai, sau mỗi phiên họp đều tổ chức họp báo và đăng phát trên các phương tiện thông tin đại chúng để công bố, thông báo rộng rãi nội dung phiên họp, các chính sách và quyết sách của Chính phủ tới nhân dân, cung cấp cho cơ quan báo chí để công bố công khai thông tin về hoạt động và công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Theo Hiến pháp năm 2013, Thủ tướng Chính phủ có nhiệm vụ thực hiện chế độ báo cáo trước nhân dân thông qua các phương tiện thông tin đại chúng về những vấn đề quan

¹³ Khoản 2 Điều 13: Trường hợp mua sắm công và xây dựng cơ bản mà pháp luật quy định phải đấu thầu thì nội dung công khai bao gồm:

- a) Kế hoạch đấu thầu, mời sơ tuyển và kết quả sơ tuyển, mời thầu;
- b) Danh mục các dự án chỉ định thầu, lý do chỉ định thầu, thông tin về nhà thầu được chỉ định; danh mục các dự án đấu thầu hạn chế, nhà thầu tham gia đấu thầu hạn chế, danh sách ngân nhà thầu tham gia đấu thầu hạn chế, lý do đấu thầu hạn chế, kết quả lựa chọn nhà thầu;
- c) Thông tin về cá nhân, tổ chức thuộc chủ dự án, bên mời thầu, nhà thầu, cơ quan quản lý hoặc đối tượng khác vi phạm pháp luật về đấu thầu; thông tin về nhà thầu bị cấm tham gia và thông tin về xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu;
- d) VBQPPL về đấu thầu, hệ thống thông tin dữ liệu về đấu thầu;
- đ) Báo cáo tổng kết công tác đấu thầu trên phạm vi toàn quốc của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; báo cáo tổng kết công tác đấu thầu của bộ, ngành, địa phương và cơ sở;
- e) Thẩm quyền, thủ tục tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong đấu thầu.

¹⁴ Xem thêm bảng tổng hợp rà soát chi tiết (Phụ lục 2 của Báo cáo).

trọng thuộc thẩm quyền giải quyết của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ (Điều 98 khoản 6).

Đồng thời, Luật ban hành VBQPPL quy định rõ trách nhiệm phải đăng tải các dự thảo VBQPPL của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ để nhân dân tham gia ý kiến, đăng tải các văn bản này sau khi được ban hành để tổ chức, cá nhân tổ chức thực hiện. Trong một số VBQPPL chuyên ngành còn quy định rõ ràng trách nhiệm của Chính phủ trong việc chủ động công bố thông tin trong một số lĩnh vực, như: Danh mục thực vật rừng, động vật rừng được nhập khẩu; thực vật rừng, động vật rừng cấm xuất khẩu hoặc xuất khẩu có điều kiện; danh mục thực vật rừng, động vật rừng được nhập khẩu; thực vật rừng, động vật rừng cấm xuất khẩu hoặc xuất khẩu có điều kiện; Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ...¹⁵

Theo quy định của Luật công nghệ thông tin và các văn bản hướng dẫn thi hành, Chính phủ là một trong những cơ quan nhà nước có trách nhiệm công bố công khai các thông tin trên môi trường mạng¹⁶. Thủ tướng Chính phủ có trách nhiệm công bố dịch bệnh theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế đối với bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A khi dịch lây lan nhanh từ tỉnh này sang tỉnh khác, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe con người căn cứ theo quy định của Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cũng phải công khai các thông tin để phòng, chống tham nhũng theo quy định của Luật phòng, chống tham nhũng.

- *Trách nhiệm của các Bộ, ngành:* các VBQPPL trong từng lĩnh vực chuyên ngành quy định tương đối cụ thể trách nhiệm phải công bố công khai thông tin của các Bộ, ngành.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thực hiện chế độ báo cáo trước Nhân dân về những vấn đề quan trọng thuộc trách nhiệm quản lý (Điều 99 Hiến pháp năm 2013). Luật ban hành VBQPPL quy định trách nhiệm đăng tải dự thảo/VBQPPL do Bộ, ngành chủ trì soạn thảo, ban hành trên Cổng thông tin điện tử của Bộ, ngành để lấy ý kiến/tổ chức, cá nhân biết và thực hiện. Tùy theo thông tin trong từng lĩnh vực, có văn bản giao trách nhiệm cho các Bộ, ngành phải chủ động công bố thông tin do mình quản lý như trách nhiệm của Bộ Y tế, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các cấp trong việc công bố công khai thông tin về phòng, chống bệnh truyền nhiễm, Bộ trưởng Bộ Y tế công bố dịch theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A và đối với một số bệnh truyền

¹⁵ Xem thêm bảng tổng hợp rà soát chi tiết (Phụ lục 2 của Báo cáo).

¹⁶ Luật Công nghệ thông tin (Điều 28) quy định thông tin được đăng trên môi trường mạng của cơ quan nhà nước gồm các thông tin về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ và của từng đơn vị trực thuộc; hệ thống VBQPPL chuyên ngành và văn bản pháp luật có liên quan; quy trình, thủ tục hành chính được thực hiện bởi các đơn vị trực thuộc, tên của người chịu trách nhiệm trong từng khâu thực hiện quy trình, thủ tục hành chính, thời hạn giải quyết các thủ tục hành chính; Thông tin tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách, chiến lược, quy hoạch chuyên ngành; danh mục địa chỉ thư điện tử chính thức của từng đơn vị trực thuộc và cán bộ, công chức có thẩm quyền; Thông tin về dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công; Danh mục các hoạt động trên môi trường mạng đang được cơ quan đó thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật này; Mục lấy ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân.

nhiệm thuộc nhóm B khi có từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên đã công bố dịch...

Theo quy định của Luật công nghệ thông tin và các văn bản hướng dẫn thi hành, các cơ quan nhà nước có trách nhiệm đăng tải trên môi trường mạng các thông tin liên quan tới tổ chức và hoạt động của Bộ, ngành mình.

- *Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp*: nhiều VBQPPL quy định rõ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện có trách nhiệm công bố công khai thông tin trong lĩnh vực, địa bàn mình quản lý. Ví dụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố dịch/hết dịch theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế đối với bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B và nhóm C (Luật phòng, chống các bệnh truyền nhiễm); VBQPPL của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được đăng báo địa phương, đăng công báo, phát thành truyền hình, hệ thống phát thanh ở xã, niêm yết công khai tại trụ sở làm việc...

Ngoài ra, thông qua cơ chế người phát ngôn, trách nhiệm công bố thông tin rộng rãi cho công chúng thông qua báo chí, người đứng đầu cơ quan nhà nước đã ủy quyền cho người phát ngôn cung cấp thông tin cho báo chí. Tuy nhiên, hoạt động của người phát ngôn là không thường xuyên, chỉ mang tính định kỳ và theo một số vụ việc, không bao gồm việc tiếp nhận và giải quyết các yêu cầu cung cấp thông tin của công chúng.

Như vậy, trong số các cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin, chủ thể có liên quan nhiều nhất là các cơ quan hành chính nhà nước. Các VBQPPL ban hành trong thời gian qua luôn nhấn mạnh đến trách nhiệm của các cơ quan hành chính nhà nước trong việc công bố công khai, cung cấp một số thông tin do mình nắm giữ về tình hình đất nước, quản lý điều hành của Chính phủ, của cơ quan hành chính nhà nước chủ trương chính sách, thẩm quyền và tình hình hoạt động của các cơ quan, các thủ tục hành chính...¹⁷.

Ở góc độ quản lý nhà nước, dù với phạm vi mức độ quản lý khác nhau, các cơ quan đều phải thực hiện trách nhiệm giải trình trước nhân dân. Các chủ thể như Quốc hội, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cũng là những chủ thể nắm giữ các thông tin mà người dân quan tâm. Do đó, có thể ghi nhận rằng nghĩa vụ công bố thông tin thuộc về tất cả các cơ quan nhà nước từ Quốc hội đến Chính phủ, chính quyền địa phương, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân các cấp, với tư cách là những cơ quan thực hiện quyền lực công và nắm giữ những thông tin mà người dân cần được biết.

Kết quả rà soát quy định pháp luật về trách nhiệm công bố công khai thông tin của các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước, cụ thể là các tổ chức sự nghiệp công, các tổ chức chính trị - xã hội và doanh nghiệp nhà nước được thể hiện trong Phụ lục số 2 (kèm theo Báo cáo).

¹⁷ Điều 12 Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007 quy định trách nhiệm của các bộ, cơ quan nhà nước có liên quan và cơ quan thông tin đại chúng trong việc thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống bệnh truyền nhiễm...

3. Thông tin được tiếp cận và thông tin hạn chế tiếp cận

3.1. Thông tin được tiếp cận:

a/ Thông tin được tiếp cận trong các lĩnh vực cụ thể được quy định bằng nhiều hình thức VBQPPL gồm luật¹⁸, pháp lệnh¹⁹, nghị định²⁰, quyết định²¹ thậm chí cả thông tư²².

b/ Phạm vi thông tin được tiếp cận thường theo phương pháp liệt kê trong từng VBQPPL, trong đó:

+ 232 loại thông tin được liệt kê trong 134 VBQPPL đã được rà soát, ví dụ như Luật Báo chí, Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Công nghệ thông tin, Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, Luật Ban hành VBQPPL. Luật phòng, chống tham nhũng (năm 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2012) dành tới 18 điều (từ Điều 13 đến Điều 30) quy định các thông tin phải được công khai thuộc các lĩnh vực khác nhau.

+ Các VBQPPL chuyên ngành chỉ liệt kê các thông tin được tiếp cận trong lĩnh vực chuyên ngành.

- Đồng thời, một số VBQPPL quy định nguyên tắc loại trừ tiếp cận các thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước, bí mật đời tư, bí mật kinh doanh, hoặc liệt kê cụ thể các thông tin bị loại trừ tiếp cận.

Luật ban hành VBQPPL quy định nguyên tắc bảo đảm tính công khai trong quá trình xây dựng, ban hành VBQPPL trừ trường hợp VBQPPL có nội dung thuộc bí mật nhà nước (Điều 3); VBQPPL phải được đăng Công báo, VBQPPL không đăng Công báo thì không có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước và các trường hợp quy định tại đoạn

¹⁸ Như Luật an toàn thực phẩm, Luật bảo vệ môi trường, Luật tài nguyên nước, Luật nhà ở, Luật kinh doanh bất động sản, Luật xây dựng, Luật thanh tra, Luật báo chí, Luật khám bệnh, chữa bệnh, Luật bảo hiểm y tế, Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm, Luật dược, Luật phòng, chống nhiễm virus gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS), Luật ban hành VBQPPL, Luật Phòng, chống tham nhũng,...

¹⁹ Pháp lệnh về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn,...

²⁰ Như Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 7/9/2006 về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008; Nghị định số 140/2006/NĐ-CP ngày 22/11/2006 quy định việc bảo vệ môi trường trong các khâu lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển; Nghị định 38/2012/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm; Nghị định số 51/2002/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Báo chí; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí; Nghị định số 105/2014/NĐ-CP ngày 15/11/2014 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế; Nghị định số 87/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh, Nghị định số 05/2007/NĐ-CP ngày 09/01/2007 của Chính phủ về việc quy định phòng, chống bệnh dại ở động vật; Nghị định số 176/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế; Nghị định số 59/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng,...

²¹ Quyết định số 25/2013/QĐ-TTg ngày 04/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí;...

²² Như Thông tư 45/2012/TT-BCT quy định về hoạt động kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất các sản phẩm thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; Thông tư số 25/2010/TT-BNNPTNT Hướng dẫn việc kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm đối với hàng hóa có nguồn gốc động vật nhập khẩu, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 51/2010/TT-BNNPTNT; Thông tư số 149/2013/TT-BTC quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm; Thông tư số 10/2009/TT-BYT ngày 14/8/2009 hướng dẫn đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu và chuyên tuyến khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế; Thông tư số 16/2014/TT-BYT ngày 22/05/2014 hướng dẫn thí điểm về bác sĩ gia đình và phòng khám bác sĩ gia đình; Thông tư số 32/2012/TT-BTC quy định chế độ, quản lý và sử dụng kinh phí đối với người bị áp dụng biện pháp cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế...

2 khoản 1 Điều 78 (khoản 2 Điều 78); VBQPPL phải được đăng tải toàn văn trên Trang thông tin điện tử của cơ quan ban hành văn bản chậm nhất là hai ngày, kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành và phải đưa tin trên phương tiện thông tin đại chúng, trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước (Điều 84).

Khoản 2 Điều 11 *Luật phòng, chống tham nhũng* quy định nguyên tắc cơ quan, tổ chức, đơn vị phải công khai hoạt động của mình, trừ nội dung thuộc bí mật nhà nước và những nội dung khác theo quy định của Chính phủ. Điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị định số 59/2013/NĐ-CP quy định cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân từ chối cung cấp các thông tin thuộc bí mật nhà nước và những nội dung khác theo quy định của Chính phủ.

Khoản 3 Điều 30 *Luật Lưu trữ* quy định tài liệu có đóng dấu chỉ các mức độ mật được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 131 *Luật bảo vệ môi trường* quy định thông tin môi trường tại điều này nếu thuộc danh mục bí mật nhà nước thì không được công khai.

Khoản 3 Điều 10 *Luật báo chí* quy định nguyên tắc thông tin về bí mật Nhà nước: bí mật quân sự, an ninh, kinh tế, đối ngoại và những bí mật khác do pháp luật quy định không được thông tin trên báo chí. Tương tự điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ghi nhận lại nguyên tắc này...

Điểm a khoản 3 Điều 5 *Quy chế người phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí* quy định người phát ngôn có quyền từ chối, không phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí trong trường hợp vấn đề thuộc bí mật nhà nước,...

Luật Khám bệnh, chữa bệnh quy định thông tin về tình trạng sức khỏe và đời tư được ghi trong hồ sơ bệnh án²³ được giữ bí mật (chỉ được phép công bố khi người bệnh đồng ý hoặc để chia sẻ thông tin, kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng chẩn đoán, chăm sóc, điều trị người bệnh giữa những người hành nghề trong nhóm trực tiếp điều trị cho người bệnh hoặc trong trường hợp khác được pháp luật quy định). Hồ sơ bệnh án²⁴ được lưu trữ²⁵ theo các cấp độ mật của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước (Khoản 2 Điều 3, Điều 8, khoản 5 Điều 37, khoản 3 Điều 59 Luật).

c/ Phương thức chủ yếu cung cấp thông tin được tiếp cận chỉ là phương thức cơ quan nhà nước công bố công khai, ít có quy định về phương thức cung cấp thông tin theo yêu cầu của cá nhân, tổ chức

Pháp luật hiện hành chưa có quy định nguyên tắc và tiêu chí để xác định thông tin nào cần phải công bố công khai rộng rãi, thông tin nào có thể được cung cấp theo yêu cầu của cá nhân, tổ chức.

²³ Luật khám bệnh, chữa bệnh quy định đây là thông tin thuộc bí mật riêng tư (Điều 8)

²⁴ Hồ sơ bệnh án là tài liệu y học, y tế và pháp lý; mỗi người bệnh chỉ có một hồ sơ bệnh án trong mỗi lần khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Hồ sơ bệnh án được lập bằng giấy hoặc bản điện tử và phải được ghi rõ, đầy đủ các mục có trong hồ sơ bệnh án. Hồ sơ bệnh án bao gồm các tài liệu, thông tin liên quan đến người bệnh và quá trình khám bệnh, chữa bệnh (khoản 1 và khoản 2 Điều 59 Luật khám bệnh, chữa bệnh).

²⁵ Hồ sơ bệnh án nội trú, ngoại trú được lưu trữ ít nhất 10 năm; hồ sơ bệnh án tai nạn lao động, tai nạn sinh hoạt được lưu trữ ít nhất 15 năm; hồ sơ bệnh án đối với người bệnh tâm thần, người bệnh tử vong được lưu trữ ít nhất 20 năm. Người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quyết định việc cho phép khai thác hồ sơ bệnh án trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 59 Luật khám bệnh, chữa bệnh.

Có đến 46,1% loại thông tin có quy định về công khai thông tin trong khi chỉ có 28/232 thông tin được cung cấp theo yêu cầu, cụ thể:

- Luật Ban hành VBQPPL và văn bản hướng dẫn thi hành quy định nhiều loại thông tin phải được các cơ quan nhà nước (Chính phủ, Văn phòng chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội) công bố công khai ngay trong quá trình soạn thảo và sau khi thông qua VBQPPL (dự kiến chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, Dự thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Dự thảo lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, dự kiến chương trình xây dựng nghị định của Chính phủ; Dự thảo, Tờ trình dự thảo Nghị định của Chính phủ, Thông tư của các bộ..). Tuy nhiên, Luật BHVBQPPL chưa có quy định về cung cấp thông tin theo yêu cầu của cá nhân đối với các dự thảo hay các VBQPPL, kể cả trong trường hợp vì lý do khách quan, người dân không thể tiếp cận được các thông tin đó trong thời gian công bố công khai.

- Luật phòng, chống tham nhũng (năm 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2012) quy định các thông tin thuộc nhiều lĩnh vực phải được cơ quan nhà nước công bố công khai (Điều 13 đến Điều 30), tuy nhiên, các thông tin này chỉ được công khai tới cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực đó, mà không công khai tới người dân. Công dân chỉ được yêu cầu cung cấp thông tin đối với cấp xã theo quy định tại khoản 2 Điều 32 “*Công dân có quyền yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi mình cư trú cung cấp thông tin về hoạt động của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn đó*”.

- Thông tin về Quy hoạch sử dụng đất theo quy định của Luật phòng, chống tham nhũng và Luật đất đai được công khai rộng rãi nhưng chưa có quy định về việc cung cấp thông tin về quy hoạch theo yêu cầu trong khi đây là một trong những nhu cầu bức thiết của nhân dân, gắn kết chặt chẽ với quyền lợi của người dân mà họ không phải lúc nào cũng có điều kiện tiếp cận quy hoạch trong thời gian niêm yết công khai.

Một số VBQPPL quy định cơ quan, tổ chức liên quan, phải báo cáo cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về các vấn đề thuộc phạm vi hoạt động, (ví dụ như Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định Bộ, ngành hằng năm có trách nhiệm cung cấp thông tin môi trường liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý cho Bộ Tài nguyên và Môi trường (Điều 130)). Tuy nhiên Luật lại chưa quy định cơ quan quản lý chuyên ngành nắm giữ thông tin đó có trách nhiệm phải công khai cho nhân dân biết hoặc cung cấp thông tin theo yêu cầu của người dân đối với loại thông tin này.

Một số thông tin rất cần thiết phải công khai rộng rãi cho người dân biết nhưng chưa được pháp luật quy định về trách nhiệm cơ quan nhà nước phải công khai các thông tin này. Đơn cử, Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm chỉ quy định về việc công bố dịch, ban bố tình trạng khẩn cấp về dịch cũng như các biện pháp về chống dịch,... Tuy nhiên, Luật chưa quy định về công bố công khai một số bệnh đã có tuy chưa đủ điều kiện công bố dịch nhưng người dân rất cần được thông tin rộng rãi để biết được hậu quả và cách phòng, tránh bệnh có hiệu quả,... Tương tự như vậy đối với dịch động vật theo quy định của Pháp lệnh thú y và Nghị định số 33/2005/NĐ-CP, Thông tư số 48/2009/TT-BNNPTNT...

*VBQPPL quy định việc cung cấp thông tin theo yêu cầu chưa nhiều*²⁶ và chủ yếu chú trọng yêu cầu của cơ quan nhà nước, ví dụ: Điều 18 – Điều 21 Nghị định số 17/2012/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kiểm toán độc lập quy định hồ sơ kiểm toán của doanh nghiệp được cung cấp theo yêu cầu của Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Cơ quan điều tra, Cơ quan thanh tra, Kiểm toán Nhà nước; Luật phòng, chống tham nhũng quy định việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan nhà nước (Điều 32a) để thực hiện trách nhiệm giải trình.

Quyền yêu cầu cung cấp thông tin của cá nhân thường chỉ được quy định đối với các thông tin liên quan trực tiếp đến việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của công dân, ví dụ như Luật quản lý thuế năm 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2012 quy định cung cấp theo yêu cầu thông tin, tài liệu để thực hiện nghĩa vụ, quyền lợi về thuế (khoản 1 Điều 6), thông tin liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế (khoản 3 Điều 8. Điều 123 và khoản 1 Điều 124 Luật Đất đai quy định cung cấp theo yêu cầu thông tin, dữ liệu về đất đai; khoản 1 Điều 5 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP quy định Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện dịch vụ cung cấp thông tin về đất đai theo yêu cầu; Điều 37 Luật luật sư quy định cung cấp theo yêu cầu thông tin về nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư....

Nghị định số 91/2006/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật ban hành VBQPPL của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004 quy định việc cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền sao, chụp VBQPPL của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tại nơi lưu trữ văn bản và phải trả chi phí sao, chụp.

Công dân có quyền yêu cầu cung cấp thông tin về hoạt động của chính quyền cấp xã theo quy định Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn và Luật phòng chống tham nhũng²⁷.

d/ Nguồn gốc và trạng thái thông tin được tiếp cận

Theo quy định của Luật mẫu về tự do thông tin²⁸ và kinh nghiệm của nhiều nước²⁹, để đảm bảo tính chính xác của thông tin và tính khả thi của việc cung cấp thông tin thì pháp luật cần quy định rõ, thống nhất nguyên tắc: thông tin được tiếp cận chỉ là những tin tức, dữ liệu **có sẵn** trong hồ sơ, tài liệu do cơ quan, tổ chức **tạo ra** trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình và đang được các cơ quan này **nhằm giữ**, như thông tin, tài liệu trong quá trình xây

²⁶ Luật Phòng chống tham nhũng, Nghị định số 59/2013/NĐ-CP (Điều 6 – Điều 11), Nghị định số 17/2012/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kiểm toán (Điều 18 – Điều 21), Nghị định số Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, Luật quản lý thuế năm 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2012, Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP quy định cung cấp theo yêu cầu thông tin về đất đai.

²⁷ Xem thêm bảng tổng hợp rà soát chi tiết (Phụ lục 2 của Báo cáo).

²⁸ Luật Mẫu về tự do thông tin (Model Freedom of Information Law do Tổ chức Article 19, truy cập tại <http://www.article19.org/pdfs/standards/modelfoiaw>.

²⁹ Xem thêm tài liệu “Tự do thông tin – Khảo sát so sánh pháp luật”, Toby Mendel, UNESCO, 2008.

dựng VBQPPL; thông tin về tình hình hoạt động của cơ quan, đơn vị phải cung cấp cho báo chí....

Pháp luật hiện hành của Việt Nam lại chưa có quy định rõ ràng, thống nhất về nguồn gốc và tính hiện hữu của thông tin được tiếp cận để có thể tiếp cận.

Về nguồn gốc thông tin được tiếp cận: Một số VBQPPL quy định theo hướng thông tin được tiếp cận là thông tin do cơ quan đó *tạo ra* trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình và *đang nắm giữ*, chẳng hạn như: Luật ban hành VBQPPL quy định thông tin, tài liệu trong quá trình xây dựng VBQPPL ở giai đoạn nào sẽ do cơ quan tạo ra và nắm giữ thông tin tại giai đoạn đó công bố công khai (giai đoạn soạn thảo, giai đoạn thẩm định, giai đoạn thẩm tra.); các báo cáo giám sát, thông tin về tình hình hoạt động của cơ quan, đơn vị phải cung cấp cho báo chí...

Một số VBQPPL lại quy định theo hướng thông tin được công khai, cung cấp theo yêu cầu được chứa đựng trong các tài liệu được cơ quan đó *nắm giữ* nhưng *không tạo ra* thông tin đó, như thông tin trong lĩnh vực lưu trữ lịch sử.

Các thông tin về môi trường, thông tin trong phòng, chống tham nhũng... được cung cấp, công khai là thông tin liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý có thể hiểu đó là thông tin do Bộ, ngành, cơ quan đó *tạo ra* và *nắm giữ* trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình nhưng việc công khai, cung cấp thông tin lại chỉ giới hạn đối với cơ quan quản lý nhà nước.

Về trạng thái hiện hữu của thông tin được tiếp cận: pháp luật hiện hành không quy định rõ thông tin được công bố rộng rãi, thông tin cung cấp theo yêu cầu của công dân là thông tin đã ở trạng thái có sẵn (hiện hữu) hay là thông tin phải qua xử lý, tổng hợp từ các nguồn khác nhau, do đó khó phân biệt được với thông tin để trả lời chất vấn, kiến nghị hoặc yêu cầu cơ quan nhà nước giải trình về quyết định, hành vi của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

e/ Thông tin được tiếp cận theo pháp luật trong một lĩnh vực cụ thể nhưng bị hạn chế trên thực tế do có chồng chéo, mâu thuẫn hay chưa đầy đủ của pháp luật:

Quy định pháp luật trong một số lĩnh vực cụ thể đã xác định một số loại thông tin thì được tiếp cận. Nhưng một số quy định pháp luật khác lại hạn chế việc tiếp cận này.

Ví dụ: Luật lưu trữ quy định các tài liệu lưu trữ được sử dụng tại lưu trữ lịch sử (Điều 30), lưu trữ cơ quan (Điều 31) với nhiều hình thức khác nhau. Tài liệu lưu trữ thuộc Danh mục tài liệu có đóng dấu chỉ các mức độ mật được sử dụng rộng rãi trong các trường hợp được giải mật theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước; sau 40 năm, kể từ năm công việc kết thúc đối với tài liệu có đóng dấu mật nhưng chưa được giải mật; sau 60 năm, kể từ năm công

việc kết thúc đối với tài liệu có đóng dấu tối mật, tuyệt mật nhưng chưa được giải mật. Như vậy, các tài liệu được lưu trữ cũng được tiếp cận qua việc cho sử dụng tài liệu lưu trữ, các tài liệu lưu trữ đã được giải mật sẽ được sử dụng rộng rãi. Nhưng pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước lại chưa có quy định về việc giải mật, tăng độ mật hay giảm độ mật bí mật nhà nước. Do đó quy định của Luật Lưu trữ trên thực tế chưa thể thực hiện được.

3.2. Thông tin hạn chế tiếp cận

a/ Bí mật nhà nước:

+ **Phạm vi thông tin thuộc bí mật nhà nước theo quy định khá rộng, chung chung**, lý do là bản thân danh sách các tài liệu mật cũng là mật, nên cán bộ, công chức khó nhận biết tài liệu nào là mật, phải bảo quản theo chế độ mật và không được phép tiết lộ. Căn cứ vào tính chất quan trọng của nội dung tin, mức độ nguy hại nếu bị tiết lộ, các tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước được chia làm ba mức độ Tuyệt mật, Tối mật và Mật. Tuy nhiên, Pháp lệnh bảo vệ bí mật nhà nước quy định *chưa cụ thể về tiêu chí xác định độ mật, tuyệt mật, tối mật* nên dẫn đến khó khăn cho các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm xác định những bí mật nhà nước trong quá trình thực thi.

Việc đóng dấu mật làm hạn chế quyền tiếp cận thông tin trong một số trường hợp chưa hợp lý, ví dụ: một số luật, pháp lệnh, VBQPPL được ban hành để tổ chức, cá nhân, xã hội thực hiện nhưng vẫn được xác định là “mật” (như Pháp lệnh tình trạng khẩn cấp, các nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của một số bộ, nghị định quy định hợp tác quốc tế về mật mã, Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020...) ³⁰.

+ **Phạm vi bí mật nhà nước và các loại bí mật khác chưa rõ, còn có sự chồng lấn lên nhau**: Luật báo chí quy định nguyên tắc không được tiết lộ bí mật Nhà nước, bao gồm: bí mật quân sự, an ninh, kinh tế, đối ngoại và những bí mật khác do pháp luật quy định. Trong khi Pháp lệnh bảo vệ bí mật nhà nước thì bí mật nhà nước được hiểu bao trùm lên các lĩnh vực do các bộ, ngành quản lý (mỗi bộ, ngành xác định danh mục bí mật nhà nước theo từng cấp độ của mình). Như vậy, việc liệt kê riêng biệt các thông tin thuộc các lĩnh vực bí mật độc lập với bí mật nhà nước là không cần thiết, có thể tạo nên những chông chéo, khó hiểu khi áp dụng pháp luật ³¹.

+ **Còn thiếu các quy định hướng dẫn cụ thể về thẩm quyền và thủ tục giải mật đối với từng cấp bí mật nhà nước**. Bí mật nhà nước về nguyên tắc là không được làm lộ, lọt thông tin. Do vậy đây là loại thông tin không được tiếp cận. Tuy nhiên, các thông tin này cũng chỉ là bí mật trong một khoảng thời gian nhất định mà không thể là bí mật vĩnh viễn. Nhưng hiện nay Pháp lệnh bảo vệ bí

³⁰ Xem thêm bảng tổng hợp rà soát chi tiết (Phụ lục 2 của Báo cáo).

³¹ Xem thêm bảng tổng hợp rà soát chi tiết (Phụ lục 2 của Báo cáo).

mật nhà nước cũng như các văn bản hướng dẫn thi hành (Nghị định số 33/2002/NĐ-CP và Thông tư số 12/2002/TT-BCA) mới chỉ quy định về trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức vào quý I hàng năm xem xét, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất giải mật đối với danh mục bí mật nhà nước của ngành mình mà không có các quy định hướng dẫn cụ thể về thẩm quyền và thủ tục giải mật đối với từng cấp bí mật nhà nước. Do đó, việc tiếp cận các thông tin sau khi đã hết thời gian bí mật hoặc được giải mật cũng là khó khăn.

b/ Thông tin về bí mật đời tư:

- Các quy định về bảo vệ quyền bí mật đời tư, bí mật cá nhân chưa làm rõ khái niệm và nội hàm của quyền.

Hiến pháp năm 2013 quy định *quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình* (Điều 21)³².

Trước khi có Hiến pháp năm 2013, Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về việc bảo vệ *quyền bí mật đời tư của cá nhân*³³ nhưng cũng không quy định rõ nội hàm của bí mật đời tư bao gồm những thông tin nào. Một số luật chuyên ngành cũng có quy định về bảo vệ bí mật thông tin liên quan đến đời tư của cá nhân như:

+ *Trong lĩnh vực tố tụng*: bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân, quyền được xét xử kín theo yêu cầu chính đáng của công dân nhằm bảo đảm bí mật của đương sự, quyền yêu cầu giữ bí mật họ tên, địa chỉ, bút tích của người tố cáo; không được tiết lộ bí mật điều tra... (Điều 8, 18 và 124 Bộ luật tố tụng hình sự) hay cơ quan, người tiến hành tố tụng dân sự phải giữ bí mật nhà nước, bí mật công tác theo quy định của pháp luật; giữ gìn thuần phong mỹ tục của dân tộc, giữ bí mật nghề nghiệp, bí mật kinh doanh, bí mật đời tư của các đương sự theo yêu cầu chính đáng của họ (Điều 13, 15 Bộ luật tố tụng dân sự);

+ *Trong lĩnh vực tín dụng*: không được tiết lộ bí mật kinh doanh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; bảo đảm bí mật thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi và các giao dịch của khách hàng tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài... (Điều 12 Luật các tổ chức tín dụng);

+ *Trong lĩnh vực báo chí*: Báo chí có quyền và nghĩa vụ không tiết lộ tên người cung cấp thông tin nếu gây bất lợi cho người đó, trừ trường hợp có yêu cầu của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân hoặc Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh và tương đương trở lên cần thiết cho việc điều tra, xét xử tội phạm nghiêm trọng; không được tiết lộ bí mật Nhà nước: bí mật quân sự, an ninh, kinh tế, đối ngoại và những bí mật khác do pháp luật quy định; báo chí không được

³² Khoản 1 Điều 21 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình. Thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được pháp luật bảo đảm an toàn”.

³³ Điều 38 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về nguyên tắc “Quyền bí mật đời tư của cá nhân được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ. Việc thu thập, công bố thông tin, tư liệu về đời tư của cá nhân phải được người đó đồng ý; trong trường hợp người đó đã chết, mất năng lực hành vi dân sự, chưa đủ mười lăm tuổi thì phải được cha, mẹ, vợ, chồng, con đã thành niên hoặc người đại diện của người đó đồng ý, trừ trường hợp thu thập, công bố thông tin, tư liệu theo quyết định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.”

đưa tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống nhằm xúc phạm danh dự của tổ chức, danh dự, nhân phẩm của công dân... (Điều 7 và Điều 10 Luật báo chí);

+ *Trong lĩnh vực y tế*: người khám bệnh được giữ bí mật thông tin về tình trạng sức khỏe và đời tư được ghi trong hồ sơ bệnh án; hồ sơ bệnh án được lưu trữ theo các cấp độ mật của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước (khoản 1 Điều 8, khoản 3 Điều 59 Luật khám bệnh, chữa bệnh); thầy thuốc và nhân viên y tế có trách nhiệm *giữ bí mật thông tin liên quan đến người bệnh* (khoản 3 Điều 33 Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm). Tuy nhiên thông tin này có thể được công bố khi người bệnh đồng ý hoặc để chia sẻ thông tin, kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng chẩn đoán, chăm sóc, điều trị người bệnh giữa những người hành nghề trong nhóm trực tiếp điều trị cho người bệnh hoặc trong trường hợp khác được pháp luật quy định.

Mặc dù bí mật cá nhân, bí mật đời tư đã được quy định trong một số VBQPPL nhưng hiện nay *chưa có cách hiểu thống nhất về khái niệm và nội hàm bí mật cá nhân, bí mật đời tư và chưa có quy định về bí mật gia đình theo Hiến pháp năm 2013*.

- Còn thiếu các quy định về việc cung cấp thông tin về bí mật đời tư, bí mật cá nhân trong những trường hợp cần thiết vì lợi ích cộng đồng.

Hiến pháp năm 2013 quy định mọi người có quyền bất khả xâm phạm về bí mật về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình (Điều 21). Đối với bí mật đời sống riêng tư hay bí mật cá nhân thì Bộ luật Dân sự 2005 đã có định nghĩa về bí mật đời tư (Điều 38). Đối với bí mật gia đình thì đây là một nội dung mới mà pháp luật hiện nay chưa có quy định về nội hàm của bí mật gia đình.

Thông tin thuộc bí mật đời tư về nguyên tắc cần được bảo vệ theo hướng giữ bí mật, tuy nhiên trong một số trường hợp cần được công khai hoặc cung cấp theo yêu cầu nếu việc công bố, cung cấp đó là cần thiết vì lợi ích của cộng đồng. Tuy nhiên, pháp luật quy định về vấn đề này chưa chặt chẽ, dẫn đến trong một số trường hợp cơ quan, tổ chức cung cấp, công bố thông tin thuộc bí mật đời tư mà không được sự cho phép của người đó hay cung cấp thông tin thuộc bí mật đời tư sai sự thật. Những việc này đã gây bất bình trong nhân dân và ảnh hưởng đến đời sống của người bị công bố bí mật cá nhân, bí mật đời tư và những người có liên quan.

c/ Bí mật kinh doanh:

Bộ luật dân sự quy định bí mật kinh doanh đối với quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng được bảo mật thông tin bao gồm việc khai thác, sử dụng bí mật kinh doanh; cho phép hoặc cấm người khác tiếp cận, sử dụng, tiết lộ bí mật kinh doanh (Chương XXXV Bộ luật dân sự).

Theo khoản 23 Điều 4 Luật sở hữu trí tuệ năm 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2009: “Bí mật kinh doanh là thông tin thu được từ hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ, chưa được bộc lộ và có khả năng sử dụng trong kinh doanh”.

Khoản 10 Điều 3 Luật cạnh tranh năm 2004 quy định bí mật kinh doanh là thông tin có đủ các điều kiện như: không phải là hiểu biết thông thường; Có

khả năng áp dụng trong kinh doanh và khi được sử dụng sẽ tạo cho người nắm giữ thông tin đó có lợi thế hơn so với người không nắm giữ hoặc không sử dụng thông tin đó; được chủ sở hữu bảo mật bằng các biện pháp cần thiết để thông tin đó không bị tiết lộ và không dễ dàng tiếp cận được. Việc xâm phạm bí mật kinh doanh là hành vi cạnh tranh không lành mạnh (Điều 39). Trong quá trình tiến hành tố tụng cạnh tranh, điều tra viên, Thủ trưởng cơ quan quản lý cạnh tranh, thành viên Hội đồng cạnh tranh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phải giữ bí mật kinh doanh của doanh nghiệp, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân liên quan (Điều 56).

Như vậy có thể thấy, pháp luật quy định theo hướng bảo vệ bí mật kinh doanh một cách triệt để, không quy định trường hợp có thể cung cấp hay công bố bí mật kinh doanh vì lý do cộng đồng.

d/ Thông tin trong quá trình điều tra, thanh tra cũng được pháp luật bảo vệ một cách triệt để, theo hướng quy định nguyên tắc được giữ bí mật, nghiêm cấm tiết lộ³⁴, “giữ bí mật điều tra vụ án theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc để lọt, lộ thông tin thuộc bí mật điều tra vụ án”³⁵, chỉ cung cấp kết luận điều tra cho người tham gia tố tụng theo quy định của luật tố tụng hình sự³⁶.

e/ Thông tin về kiểm toán:

Theo quy định tại Điều 4 Luật kiểm toán độc lập, hoạt động kiểm toán độc lập góp phần công khai, minh bạch thông tin kinh tế, tài chính của đơn vị được kiểm toán và doanh nghiệp, tổ chức khác; làm lành mạnh môi trường đầu tư; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng; phát hiện và ngăn chặn vi phạm pháp luật; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành kinh tế, tài chính của Nhà nước và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp... Nhưng đối tượng được phép tiếp cận báo cáo kiểm toán bao gồm:

- Cổ đông, nhà đầu tư, bên tham gia liên doanh, liên kết, khách hàng và tổ chức, cá nhân khác có quyền lợi trực tiếp hoặc liên quan đến đơn vị được kiểm toán xử lý các quan hệ về quyền lợi và nghĩa vụ của các bên có liên quan;
- Cơ quan nhà nước quản lý điều hành theo chức năng, nhiệm vụ được giao;
- Đơn vị được kiểm toán³⁷.

Luật kiểm toán độc lập quy định rõ nghĩa vụ bảo mật về hồ sơ kiểm toán của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, kiểm toán viên, đơn vị kiểm toán phải có

³⁴ Luật thanh tra, Nghị định số 86/2011/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra.

³⁵ Điều 30 Thông tư số 28/2014/TT-BCA của Bộ Công an quy định về điều tra hình sự trong công an nhân dân.

³⁶ Bộ luật tố tụng hình sự

³⁷ Điều 7 khoản 4 Luật Kiểm toán độc lập.

trách nhiệm giữ bí mật về hồ sơ kiểm toán và chỉ được phép tiết lộ thông tin về hồ sơ kiểm toán theo quy định của pháp luật³⁸.

g/ Bí mật công tác, bí mật công vụ

Nghị định số 71/1998/NĐ-CP của Chính phủ ban hành quy chế dân chủ trong hoạt động của cơ quan đã yêu cầu cán bộ, công chức có trách nhiệm bảo vệ bí mật Nhà nước, bí mật công tác nhưng không có định nghĩa cụ thể về bí mật công tác³⁹. Quyết định số 25/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí có yêu cầu cá nhân của cơ quan hành chính nước không được làm lộ bí mật công vụ⁴⁰ nhưng cũng chưa có VBQPPL nào giải thích rõ khái niệm bí mật công vụ. Mặc dù chưa có những quy định về nội hàm của bí mật công tác hay bí mật công vụ nhưng Bộ Luật hình sự vẫn có quy định chế tài đối với người làm lộ bí mật công tác (Điều 286 và Điều 287 Bộ luật hình sự). Vấn đề này sẽ gây khó khăn đối với việc xác định yếu tố lỗi để áp dụng chế tài trong hình sự.

h/ Một số quy định khác hạn chế quyền tiếp cận thông tin

Thực tế vẫn còn một số quy định hạn chế quyền tiếp cận thông tin chưa đúng với tinh thần của Điều 14 Hiến pháp 2013 về “quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng”. Như:

- Quy định về được kiểm toán tại các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thuộc bí mật nhà nước hoặc dự án thuộc bí mật nhà nước tại VBQPPL dưới luật (Nghị định số 17/2012/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kiểm toán độc lập) , Nghị định số 86/2011/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra....

- Quy định một số tiêu chí xác định Danh mục tài liệu hạn chế sử dụng trong lưu trữ lịch sử mà không phải vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng (khoản 2 Điều 14 của Hiến pháp năm 2013).

4. Hình thức cung cấp thông tin

4.1. Các hình thức công bố công khai thông tin:

Rà soát hệ thống pháp luật hiện hành cho thấy, tùy thuộc vào nội dung, tính chất của vấn đề mà hình thức công khai có thể khác nhau. 107/232 (46,1%)

³⁸ Điều 43 Luật Kiểm toán độc lập.

³⁹ Điều 25 Nghị định số 71/1998/NĐ-CP ngày 08/09/1998 của Chính phủ ban hành quy chế dân chủ trong hoạt động của cơ quan.

⁴⁰ Điều 2 Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí ban hành kèm theo Quyết định số 25/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

thông tin được rà soát có quy định hình thức công khai. Hình thức công khai phổ biến là đăng tải trên trang thông tin điện tử và trên các phương tiện thông tin đại chúng (43/232 loại thông tin được rà soát có quy định hình thức này)⁴¹ trong khi những hình thức công khai khác như triển lãm thông tin, trưng bày tài liệu, trích dẫn tài liệu, công trình nghiên cứu kém phổ biến hơn.

Đối với VBQPPL, hình thức công khai ràng buộc hiệu lực pháp lý là phải đăng công báo⁴² (gồm công báo trung ương và công báo cấp tỉnh) hoặc đăng báo⁴³, niêm yết⁴⁴ công khai tại trụ sở cơ quan ban hành văn bản trước ngày có hiệu lực của văn bản trong một khoảng thời gian thích hợp để mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân được biết và chuẩn bị các điều kiện thực hiện.

Hình thức công bố công khai thông tin khá đa dạng trong nhiều lĩnh vực, có thể là công bố thông tin tại cuộc họp⁴⁵, thông báo bằng văn bản⁴⁶, phát hành ấn phẩm, sách báo⁴⁷, phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí⁴⁸, sử dụng tài liệu tại phòng đọc của lưu trữ cơ quan, lưu trữ lịch sử; xuất bản ấn phẩm lưu trữ; giới thiệu tài liệu lưu trữ trên phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử; triển lãm, trưng bày tài liệu lưu trữ; trích dẫn tài liệu lưu trữ trong công trình nghiên cứu; cấp bản sao tài liệu lưu trữ, bản chứng thực lưu trữ⁴⁹.

Mặc dù đa dạng về hình thức công bố, một số quy định còn chưa thực sự cụ thể, như chưa có quy định về nguyên tắc áp dụng các hình thức công khai thông tin đối với mỗi loại thông tin. Có văn bản luật không quy định nguyên tắc áp dụng hình thức công khai thông tin mà để cho nghị định quy định, như trường hợp Nghị định số 120/2006/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phòng, chống tham nhũng. theo cách dẫn chiếu đến các quy định về hình thức công khai thông tin trong các luật khác⁵⁰.

4.2. Các hình thức cung cấp thông tin theo yêu cầu:

Có rất ít VBQPPL quy định các hình thức cung cấp thông tin theo yêu cầu. Trong 232 loại thông tin được rà soát thì chỉ có 28 loại thông tin được phép cung cấp theo yêu cầu (12%). Các hình thức cung cấp thông tin theo yêu cầu khá đa dạng, ví dụ như Luật bảo vệ môi trường quy định việc cung cấp theo yêu cầu thông qua đối thoại, bằng văn bản⁵¹; Luật xây dựng quy định cung cấp thông tin bằng văn bản đối với các quy hoạch xây dựng⁵²; các VBQPPL về thanh tra cũng

⁴¹ Luật ban hành VBQPPL, Luật báo chí, Luật đất đai, Luật phòng, chống tham nhũng...

⁴² Luật ban hành VBQPPL

⁴³ Luật báo chí, Luật đất đai.

⁴⁴ Luật khám bệnh, chữa bệnh, Luật dược, Luật ban hành VBQPPL, Luật phòng, chống tham nhũng, Luật đất đai, Luật thanh tra, Luật xây dựng

⁴⁵ Luật đất đai.

⁴⁶ Luật đất đai, Luật thanh tra.

⁴⁷ Luật báo chí.

⁴⁸ Quyết định số 25/2013/QĐ-TTg ngày 04/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí

⁴⁹ Điều 32 Luật lưu trữ .

⁵⁰ Điều 5 Nghị định số 120/2006/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phòng, chống tham nhũng.

⁵¹ Điều 125, 128, 130, 131, 145 và Điều 146 Luật bảo vệ môi trường,

⁵² Điều 43 Luật xây dựng.

quy định việc cung cấp theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan⁵³. Hoặc trong hoạt động điều tra hình sự, chỉ được cung cấp tài liệu, tin tức và trả lời các cơ quan thông tin đại chúng, các cơ quan khác có liên quan về những nội dung vụ án do mình tiến hành điều tra khi được Thủ trưởng hoặc Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra đồng ý bằng văn bản (Điều 30 Thông tư số 28/2014/TT-BCA). Tên người tiết lộ thông tin cho báo chí chỉ được báo chí tiết lộ khi có yêu cầu của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân hoặc Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh và tương đương trở lên (khi cần thiết cho việc điều tra, xét xử tội phạm nghiêm trọng) (Điều 7 Luật báo chí).

Hiện tại chỉ có Nghị định số 59/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng quy định về thể thức yêu cầu cung cấp thông tin là bằng văn bản hoặc thông điệp dữ liệu có ghi rõ họ, tên, địa chỉ, lý do của việc yêu cầu cung cấp thông tin (khoản 2 Điều 6).

Một số luật quy định về trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu nhưng không quy định cụ thể về trình tự, thủ tục cung cấp⁵⁴ mà ủy quyền cho Chính phủ hướng dẫn thực hiện trong từng lĩnh vực và quy định việc công khai quy trình, thủ tục giải quyết công việc giữa cơ quan nhà nước với tổ chức, cá nhân⁵⁵.

Luật phòng, chống tham nhũng tuy có quy định về thời hạn cung cấp thông tin theo yêu cầu là 10 ngày, trường hợp không cung cấp hoặc chưa cung cấp được thì phải trả lời bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức yêu cầu biết và nêu rõ lý do, tuy nhiên Luật chưa quy định trường hợp nào thì không cung cấp hoặc chưa cung cấp, điều này tạo khoảng trống trong việc thực thi.

Luật bảo vệ môi trường mới chỉ quy định một số cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có trách nhiệm cung cấp thông tin về môi trường liên quan đến hoạt động của mình cho cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp huyện hoặc cán bộ phụ trách về bảo vệ môi trường cấp xã nơi cơ sở hoạt động mà không cung cấp theo yêu cầu của người dân cũng như chưa có quy định về trình tự, thủ tục và thời hạn thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin,...

5. Trình tự, thủ tục, thời hạn, phí cung cấp thông tin

a/ Trình tự, thủ tục công bố, công khai thông tin

Chỉ có 75/232 (32,5%) các loại thông tin được rà soát có quy định về trình tự, thủ tục công bố, công khai thông tin mà chỉ quy định về trách nhiệm phải công bố, công khai⁵⁶. Hiện tại, chỉ có Luật Xây dựng và Luật Thanh tra là có

⁵³ Điều 39 Luật Thanh tra và Điều 46 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra.

⁵⁴ *Luật Kiểm toán nhà nước* (Điều 10) quy định: Tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động kiểm toán có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Kiểm toán Nhà nước, Kiểm toán viên nhà nước và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, khách quan của thông tin, tài liệu đã cung cấp

⁵⁵ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (khoản 3 Điều 6).

⁵⁶ Phụ lục 2 - Báo cáo tổng hợp rà soát các VBQPPL.

quy định về trình tự, thủ tục công bố hoặc công khai một số thông tin trong lĩnh vực, như công khai danh mục các dự án đầu tư trên địa bàn, thông tin về quy hoạch xây dựng, thông tin về địa điểm xây dựng, chỉ giới xây dựng, chỉ giới đường đỏ, cốt xây dựng và thông tin khác liên quan đến quy hoạch trong phạm vi đồ án quy hoạch xây dựng do mình quản lý⁵⁷, kết luận thanh tra⁵⁸.

Một số VBQPPL có quy định về thời hạn công bố, công khai thông tin (như nêu ở mục b dưới đây).

b/ Thời hạn công bố, công khai thông tin:

Nhiều VBQPPL không quy định trách nhiệm của cơ quan nhà nước phải công bố, công khai rộng rãi thông tin trong một khoảng thời gian nhất định sau khi tạo ra thông tin đó. Ví dụ như UBND cấp tỉnh lập danh sách cơ sở gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn nhưng không quy định trong bao lâu phải thông báo cho các cơ quan liên quan hoặc phải tổ chức điều tra, xác định khu vực môi trường bị ô nhiễm trên địa bàn, hằng năm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường mà không xác định rõ thời điểm sau khi kết thúc điều tra phải báo cáo⁵⁹. Một số VBQPPL có quy định về thời điểm thực hiện việc công bố, công khai rộng rãi thông tin, ví dụ như Kết luận thanh tra được công khai trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ký kết luận thanh tra, người ra quyết định thanh tra⁶⁰.

c/ Phí yêu cầu và cung cấp thông tin theo yêu cầu:

Đối với thông tin được cung cấp theo yêu cầu, về cơ bản, chưa có quy định một cách đầy đủ nhằm bảo đảm quyền tiếp cận của công dân: thiếu các quy định về các nguyên tắc cần tuân thủ khi yêu cầu và cung cấp thông tin theo yêu cầu; các quy định về trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin, về thời hạn, lệ phí cung cấp thông tin, thủ tục khiếu nại và giải quyết khiếu nại liên quan đến cung cấp thông tin... nằm rải rác ở các VBQPPL khác nhau với mức độ chi tiết khá khác nhau, thậm chí có những lĩnh vực chưa có các quy định này. Hiện tại, chỉ có một số quy định về thời điểm cung cấp thông tin theo yêu cầu⁶¹, có ít quy

⁵⁷ Điều 43, 46 Luật Xây dựng 2014.

⁵⁸ Điều 39 Luật Thanh tra 2010.

⁵⁹ Điều 104 và Điều 107 Luật Bảo vệ môi trường 2014. Có thể xem thêm các quy định pháp luật liên quan đến thông tin về chất lượng nguồn nước sinh hoạt, cảnh báo hiện tượng bất thường về nguồn nước sinh hoạt trên địa bàn, thông tin về các biện pháp phòng tránh khi xảy ra các vụ ngộ độc thực phẩm, bệnh truyền qua thực phẩm do thực phẩm mất an toàn gây ra; kế hoạch cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư...

⁶⁰ Điều 39 Luật thanh tra; một số VBQPPL khác có quy định về thời gian công bố như quy định các biện pháp thi hành trong tình trạng khẩn cấp, văn bản được ban hành để kịp thời đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai, dịch bệnh phải được đăng ngay trên Trang thông tin điện tử của cơ quan ban hành và phải được đưa tin trên phương tiện thông tin đại chúng; đăng Công báo chậm nhất sau hai ngày làm việc, kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành (Khoản 1 Điều 78 Luật ban hành VBQPPL 2008); Dự án quy hoạch đầu tư xây dựng; Dự án đầu tư xây dựng phải được công khai sau khi phê duyệt (Điều 14 Luật phòng, chống tham nhũng)

⁶¹ Điều 43 Luật Xây dựng quy định chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày có yêu cầu, cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng có trách nhiệm cung cấp thông tin bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu; Điều 31 Luật phòng, chống tham nhũng về thực hiện việc cung cấp thông tin về hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong thời hạn 10 ngày.

định về lý do từ chối cung cấp thông tin⁶², người có trách nhiệm cung cấp thông tin⁶³....

Rất ít quy định về phí cung cấp thông tin theo yêu cầu như đã nêu ở ⁶⁴. Hiện tại mới chỉ có 8/232 (3,44%) loại thông tin đã được rà soát có quy định về phí cung cấp thông tin theo yêu cầu: Nghị định số 91/2006/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật ban hành VBQPPL của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quy định cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền sao, chụp VBQPPL của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tại nơi lưu trữ văn bản và phải trả chi phí sao, chụp; Luật luật sư quy định tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin về nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư phải trả phí theo quy định của pháp luật⁶⁵; Luật Lưu trữ quy định người được cấp bản sao tài liệu lưu trữ, bản chứng thực lưu trữ phải nộp lệ phí⁶⁶; Luật tài nguyên nước quy định tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin về tài nguyên nước phải trả phí sử dụng thông tin theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí⁶⁷; Luật nhà ở năm 2014 quy định tổ chức, cá nhân khi có nhu cầu thì được cung cấp thông tin về nhà ở và phải nộp kinh phí khai thác sử dụng thông tin theo quy định, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước, phục vụ hoạt động điều tra, xác minh, xử lý hành vi vi phạm pháp luật⁶⁸.

Một đặc điểm đáng chú ý trong hệ thống pháp luật Việt Nam đó là không có quy định về phí tiếp cận thông tin đối với nhóm yếu thế trong xã hội (trẻ em, người khuyết tật, người thiểu số, người già và người bị nhiễm hội chứng suy giảm miễn dịch -HIV) trong khi vẫn có những quy định về cách thức tiếp cận, trình tự thủ tục hay hình thức công khai thông tin đối với nhóm này⁶⁹.

6. Điều kiện bảo đảm thực hiện quyền được thông tin

Trong các VBQPPL hiện hành, quy định về điều kiện bảo đảm công khai thông tin gồm các quy định về lưu giữ thông tin, phương tiện kỹ thuật bảo đảm cho việc công bố công khai thông tin, nguồn nhân lực cho việc cung cấp thông tin và các hình thức xử lý vi phạm liên quan đến trách nhiệm bảo đảm quyền được thông tin/tiếp cận thông tin của tổ chức, cá nhân còn chưa nhiều. Chỉ có 61/232 (26,2%) loại thông tin được rà soát có quy định về điều kiện bảo đảm thực hiện quyền được thông tin. Ngoài ra, các quy định này còn chưa cụ thể và chưa tương xứng với yêu cầu bảo đảm thực hiện quyền được thông tin, cụ thể:

⁶² Như quy định: giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin về hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong thời hạn 10 ngày, trường hợp không cung cấp hoặc chưa cung cấp được thì phải trả lời bằng văn bản cho người yêu cầu biết và nêu rõ lý do (Điều 31 Luật phòng, chống tham nhũng; Điều 6, 7, 9, 10, 11 Nghị định số 59/2013/NĐ-CP)

⁶³ Báo cáo tổng hợp rà soát các VBQPPL, Phụ lục 2.

⁶⁴ Báo cáo tổng hợp rà soát các VBQPPL, Phụ lục 2.

⁶⁵ Điều 37, Luật luật sư.

⁶⁶ Điểm c khoản 2 Điều 29, Luật lưu trữ.

⁶⁷ Khoản 3 Điều 8, Luật tài nguyên nước.

⁶⁸ Khoản 3 Điều 166, Luật Nhà ở.

⁶⁹ Báo cáo tổng hợp rà soát các VBQPPL, Phụ lục 2.

- Trong một số lĩnh vực đã quy định trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về *thiết lập cơ sở dữ liệu quốc gia*⁷⁰ để lưu giữ, quản lý và công bố công khai thông tin tại cơ sở dữ liệu quốc gia đó, hoặc quy định trách nhiệm phải trang bị các phương tiện kỹ thuật, công nghệ thông tin, đáp ứng kịp thời và hiệu quả các yêu cầu tiếp cận, nghiên cứu và xử lý các thông tin liên quan phục vụ hoạt động quản lý của ngành, lĩnh vực⁷¹. Một số lĩnh vực quy định rõ việc công bố công khai thông tin thông qua các hình thức phải bảo đảm thuận tiện để người dân có thể dễ dàng tiếp cận⁷².

- *Về tổ chức, quản lý thông tin phải được công bố công khai hoặc được cung cấp theo yêu cầu*: Hầu hết các văn bản mới chỉ dừng ở quy định về trách nhiệm phải công bố công khai các loại thông tin do các cơ quan này quản lý, lưu giữ trên trang thông tin điện tử, trên các phương tiện truyền thông, niêm yết công khai tại trụ sở hoặc các địa điểm phù hợp... nhưng không quy định rõ trách nhiệm phải lưu giữ, quản lý hồ sơ thông tin để sẵn sàng đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin theo yêu cầu, trách nhiệm thiết lập hoặc sử dụng các trang thông tin sẵn có để công bố công khai thông tin, mối quan hệ phối hợp giữa cơ quan có trách nhiệm công bố công khai thông tin với các cơ quan truyền thông, báo chí⁷³. Việc quản lý, lưu giữ thông tin thường được các cơ quan thực hiện theo quy định của Luật lưu trữ, nhưng đó là việc lưu trữ để quản lý văn bản chứ không phải để nhằm mục đích cho việc công bố công khai thông tin hoặc cung cấp theo yêu cầu.

- *Về đảm bảo tổ chức, nguồn nhân lực thực hiện trách nhiệm cung cấp thông tin*: Các VBQPPL hiện hành chưa có quy định cụ thể về việc giao một đơn vị đầu mối hoặc có cán bộ đầu mối thực hiện trách nhiệm công bố công khai thông tin hoặc cung cấp thông tin theo yêu cầu.

- *Về đảm bảo cung cấp, quản lý thông tin liên quan đến những người yếu thế (người bị hội chứng suy giảm miễn dịch (HIV), trẻ em, người khuyết tật, người thiểu số, người già)*: Các VBQPPL yêu cầu phải bảo đảm bí mật đối với một số thông tin liên quan đến nhân thân, tình trạng sức khỏe (như xét nghiệm HIV...) của người xét nghiệm và chỉ cung cấp cho một số chủ thể được nhất định. Quy định pháp luật cũng đã đặt ra các chế tài xử phạt hành chính đối với những hành vi xâm phạm quyền được giữ bí mật thông tin của nhóm người này.

Đối với trẻ em, Nhà nước phải bảo đảm các thông tin phù hợp với sự phát triển của trẻ em, thông tin về hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ trẻ em. Các thông tin khác liên quan đến nhân thân của trẻ em không được phép cung cấp nếu không có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hay tòa án. Các thông tin mà trẻ em được tiếp cận, được cung cấp phải vì lợi ích của trẻ em,

⁷⁰ Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, về VBQPPL, về khoa học công nghệ quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia đăng ký doanh nghiệp, về đất đai, cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư...

⁷¹ Trong lĩnh vực rà soát, hệ thống hoá, kiểm tra VBQPPL của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

⁷² Việc niêm yết văn bản phải bảo đảm để người dân tiếp cận toàn bộ nội dung của văn bản

⁷³ Lĩnh vực bảo vệ môi trường, tài nguyên nước...

không xâm hại, không ảnh hưởng tới sự phát triển của trẻ em⁷⁴. Đối với người khuyết tật, pháp luật yêu cầu cơ quan thông tin đại chúng có trách nhiệm phản ánh đời sống vật chất và tinh thần của người khuyết tật, miễn giảm các loại phí áp dụng đối với người khuyết tật và yêu cầu Đài truyền hình Việt Nam có trách nhiệm thực hiện chương trình phát sóng có phụ đề tiếng Việt và ngôn ngữ ký hiệu dành cho người khuyết tật, người thiểu số.⁷⁵

- *Về xử lý vi phạm và khiếu nại trong lĩnh vực cung cấp thông tin:*

Trong một số lĩnh vực, pháp luật đã có quy định cụ thể về hành vi bị nghiêm cấm trong công bố công khai thông tin⁷⁶, quy định chủ thể công bố thông tin phải chịu mọi trách nhiệm về thông tin do mình cung cấp⁷⁷, quy định về hành vi vi phạm và chế tài xử lý vi phạm liên quan đến trách nhiệm cung cấp thông tin⁷⁸ của các chủ thể có trách nhiệm công bố công khai thông tin.

Tuy nhiên, trong một số lĩnh vực lại chưa được quy định cụ thể và rõ ràng về các hành vi bị cấm, các chế tài đối với những người có hành vi vi phạm⁷⁹, về biện pháp xử lý vi phạm trách nhiệm của cơ quan nhà nước về công khai thông tin cũng như trách nhiệm của các chủ thể có liên quan. *Luật phòng chống tham nhũng* cũng như các văn bản liên quan chưa quy định cơ chế thực sự hữu hiệu nhằm bảo đảm quyền của công dân được thông tin. *Luật xử lý vi phạm hành chính* và *Bộ luật hình sự* hiện chưa có điều khoản nào quy định trực tiếp việc xử lý liên quan đến những hành vi vi phạm quyền tiếp cận thông tin, hay nói cách khác, chưa quy định rõ hành vi nào bị coi là vi phạm quyền tiếp cận thông tin và những chế tài kèm theo. *Các VBQPPL về công chức, công vụ, xử lý vi phạm hành chính* cũng chỉ dừng ở các quy định chung hoặc quy định chưa đầy đủ, khó

⁷⁴ Khoản 2 Điều 19, Nghị định số 71/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 08 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

⁷⁵ Điều 43 Luật Người khuyết tật; Điều 11, Nghị định 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật; Điều 4, Thông tư 12/2014/TT-BVHTTDL ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 về công tác dân tộc

⁷⁶ Như lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản; báo chí, kiểm toán nhà nước...

⁷⁷ Trong quy định về cung cấp thông tin về thuốc quy định: "Tổ chức, cá nhân thông tin thuốc phải chịu trách nhiệm về những thông tin do mình cung cấp".

⁷⁸ Như trong lĩnh vực báo chí, xuất bản, bưu chính, viễn thông, y tế...

⁷⁹ Luật Kiểm toán nhà nước quy định các hành vi bị nghiêm cấm đối với Kiểm toán nhà nước và Kiểm toán viên nhà nước, trong đó có "Tiết lộ bí mật nhà nước, bí mật nghề nghiệp của đơn vị được kiểm toán; tiết lộ thông tin về tình hình và kết quả kiểm toán chưa được công bố chính thức" và các hành vi bị nghiêm cấm đối với đơn vị kiểm toán và tổ chức, cá nhân có liên quan như từ chối cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ cho cuộc kiểm toán theo yêu cầu của Kiểm toán Nhà nước và Kiểm toán viên nhà nước (Điều 12). Tuy nhiên, chưa có chế tài cụ thể. Tuy Nghị định hướng dẫn thực hiện Luật PCTN quy định cán bộ, công chức không cung cấp thông tin sẽ bị xử lý kỷ luật, Nghị định xử lý kỷ luật đối với công chức cũng chỉ quy định là hành vi vi phạm về phòng chống tham nhũng sẽ bị xử lý ở các hình thức nhất định nhưng lại không quy định rõ chế tài đối với từng hành vi vi phạm cụ thể là gì. Do vậy, dù các quy định về phòng chống tham nhũng coi công khai thông tin là biện pháp quan trọng nhưng chưa có cơ chế đủ mạnh để đảm bảo cho người dân được tiếp cận thông tin một cách chính thống và kịp thời.

Điều 128 Luật Chứng khoán quy định việc xử lý hành vi vi phạm quy định về công bố thông tin⁷⁹, Nghị định số 85/2010/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định một số hành vi bị xử phạt nếu không công khai thông tin, tuy nhiên, mới chỉ giới hạn ở các hành vi công bố thông tin rộng rãi theo quy định tại Điều 100 của Luật.

có thể xử lý các trường hợp không cung cấp thông tin, cung cấp thông tin thiếu kịp thời hay thiếu chính xác.

Các VBQPPL về khiếu nại chưa có quy định trực tiếp về khiếu nại trong lĩnh vực cung cấp thông tin trong trường hợp cơ quan nhà nước không công khai thông tin, không cung cấp thông tin theo yêu cầu hay thu phí tiếp cận thông tin quá cao.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN ĐƯỢC THÔNG TIN/TIẾP CẬN THÔNG TIN VÀ VIỆC BẢO ĐẢM QUYỀN

1. Kết quả đạt được:

Qua rà soát, đánh giá hệ thống pháp luật hiện hành cho thấy, các quy định về trách nhiệm công khai, minh bạch và cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước trong các VBQPPL được ban hành sau ngày càng rõ ràng, cụ thể hơn so với các văn bản được ban hành trước, nhất là trong các luật, pháp lệnh được ban hành trong 5 năm trở lại đây. Điều này cho thấy, Nhà nước ta đã ngày càng mở rộng phạm vi thông tin, bảo đảm tốt hơn quyền được thông tin, quyền tiếp cận thông tin của công dân và nâng cao trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc bảo đảm thực hiện quyền được thông tin của công dân, để chủ trương “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” đi vào cuộc sống và nhân dân thực hiện tốt quyền giám sát của mình đối với mọi hoạt động của các cơ quan nhà nước.

2. Hạn chế, vướng mắc:

Tuy nhiên, đánh giá trên các tiêu chí cụ thể về quyền thông tin của công dân hệ thống pháp luật hiện hành còn cho thấy vẫn còn những hạn chế, vướng mắc như sau:

Thứ nhất, thiếu quy định chung, chính thức và thống nhất về thông tin, quyền tiếp cận thông tin. Mặc dù trong một số lĩnh vực, pháp luật hiện hành của nước ta cũng đã ghi nhận và tạo sự tương thích ở mức độ nhất định về nội hàm của quyền được thông tin, quyền tiếp cận thông tin với quan niệm và quy định về quyền tự do biểu đạt/tự do ngôn luận của các công ước, điều ước quốc tế và luật về tiếp cận thông tin của một số nước trên thế giới, nhưng nội hàm của quyền tiếp cận thông tin còn chưa đầy đủ, toàn diện trong từng lĩnh vực cụ thể. Bên cạnh đó, cũng chưa có VBQPPL nào định nghĩa chính thức về thông tin, thông tin được tiếp cận, thông tin bị hạn chế tiếp cận.

- Thứ hai, hệ thống pháp luật hiện hành còn chưa thống nhất, đồng bộ trong việc cụ thể hóa quy định của Hiến pháp năm 1992 về quyền được thông tin của công dân và quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền tiếp cận thông tin, nhất là cụ thể hóa các nguyên tắc về thực hiện và hạn chế thực hiện quyền tiếp cận thông tin theo tinh thần Hiến pháp năm 2013. Trong một số lĩnh vực chưa bảo đảm việc quy định bằng luật về quyền của công dân yêu cầu cung cấp thông tin và trách nhiệm của cơ quan nhà nước phải công bố công khai thông

tin, cung cấp thông tin theo yêu cầu dẫn đến nguy cơ hạn chế quyền tiếp cận thông tin trái với tinh thần của khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013⁸⁰.

Thứ ba, pháp luật hiện hành chưa quy định nguyên tắc xác định phạm vi thông tin được tiếp cận và không được tiếp cận, thông tin bị hạn chế tiếp cận; chưa phân loại theo các tiêu chí nhất định về các thông tin mà Nhà nước cần chủ động công khai hoặc người dân có thể tiếp cận theo yêu cầu. Các quy định về thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật đời tư, bí mật kinh doanh... thuộc phạm vi những thông tin hạn chế tiếp cận. Chưa có quy định về nguyên tắc, điều kiện được tiếp cận thông tin bí mật vì lợi ích quốc gia, cộng đồng trong những trường hợp đặc biệt.

- Thứ tư, hầu hết các văn bản hiện hành chưa chú trọng đến quyền được chủ động yêu cầu cung cấp thông tin của công dân; mới chỉ dừng lại ở việc xác định trách nhiệm cung cấp thông tin của các cơ quan nhà nước và trao quyền tự quyết định việc cung cấp thông tin cho các cơ quan nhà nước. Hơn nữa, các quy định hiện hành chưa bao quát hết các lĩnh vực cần cung cấp thông tin trong đời sống kinh tế - xã hội, vì vậy, chưa phúc đáp đầy đủ nhu cầu được cung cấp thông tin ngày càng gia tăng của công dân, tổ chức.

- Thứ năm, trong hầu hết các lĩnh vực còn thiếu quy định về quy trình, thủ tục, thời hạn cung cấp thông tin, bao gồm cả quy trình, thủ tục, thời hạn công bố công khai thông tin và cung cấp thông tin theo yêu cầu; đặc biệt là chưa có quy định về thủ tục khiếu nại và giải quyết khiếu nại liên quan đến cung cấp thông tin.

- Thứ sáu, pháp luật hiện hành cũng chưa thiết lập cơ chế pháp lý đầy đủ, đồng bộ, thống nhất để bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin một cách có hiệu quả nhất là các quy định về trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc tổ chức lưu giữ, cung cấp thông tin, bảo đảm các nguồn lực: hạ tầng kỹ thuật, tài chính, nhân lực cho việc công bố công khai thông tin và cung cấp thông tin theo yêu cầu. Do đó, việc cung cấp thông tin của các cơ quan nhà nước vẫn mang tính chắp vá, chưa đồng bộ⁸¹.

IV. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị xây dựng Luật Tiếp cận thông tin

Qua nghiên cứu, đánh giá pháp luật và thực tiễn Việt Nam về việc bảo đảm quyền thông tin trên cơ sở so sánh với các tiêu chuẩn, nguyên tắc của pháp luật quốc tế cho thấy Việt Nam cần tiếp tục hoàn thiện hơn nữa hệ thống pháp

⁸⁰ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 7/9/2006 về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008; Nghị định số 140/2006/NĐ-CP ngày 22/11/2006 quy định việc bảo vệ môi trường trong các khâu lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển...

⁸¹ Ý kiến của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Thông tin truyền thông, Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ. Xem, Báo cáo tổng hợp của Bộ Tư pháp về tình hình thực hiện pháp luật về tiếp cận thông tin của các bộ, ngành, 2009

luật nhằm bảo đảm cho việc thực hiện quyền này. Trước hết, để tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân được tiếp cận thông tin (đặc biệt các thông tin liên quan thiết thực đến đời sống sản xuất, kinh doanh, sinh hoạt của cộng đồng, các thông tin liên quan đến sức khỏe, y tế, khám chữa bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm, môi trường, đất đai, giao thông, quy hoạch, xây dựng, nhà ở, môi trường...) và để bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin theo quy định tại Điều 25 Hiến pháp năm 2013 thì cần phải ban hành VBQPPL riêng về tiếp cận thông tin. Sau đó, các VBQPPL chuyên ngành trong quá trình ban hành mới hoặc sửa đổi, hoàn thiện cần bám sát tinh thần của văn bản luật tiếp cận thông tin để bảo đảm tạo cơ sở pháp lý thống nhất và điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân.

Trên cơ sở rà soát hệ thống pháp luật hiện hành, Báo cáo rà soát này kiến nghị ban hành Luật tiếp cận thông tin với mục tiêu đảm bảo cơ sở pháp lý thực hiện đồng bộ, thống nhất quyền tiếp cận thông tin của công dân theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013, góp phần tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn ban hành và thực thi pháp luật về quyền tiếp cận thông tin trong thời gian qua.

Một số đề xuất về nội dung chính của Luật tiếp cận thông tin như sau:

- Luật tiếp cận thông tin cần quy định về khái niệm thông tin và nội hàm của quyền tiếp cận thông tin và các nguyên tắc tiếp cận thông tin và hành vi bị cấm trong thực hiện quyền và bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân. Để đảm bảo tính khả thi của việc cung cấp thông tin, đề xuất Luật quy định thông tin được tiếp cận là thông tin hiện hữu (có sẵn) do cơ quan, tổ chức nắm giữ trong quá trình thực hiện các chức năng, nhiệm vụ quyền hạn.

- Luật tiếp cận thông tin cần quy định các nguyên tắc cơ bản, tạo khuôn khổ pháp lý chung về tiếp cận thông tin, là cơ sở để các luật chuyên ngành cụ thể hóa theo hướng bảo đảm thực hiện một cách thuận lợi, thống nhất và đồng bộ quyền tiếp cận thông tin của công dân trong từng lĩnh vực. Trong trường hợp luật khác có quy định rộng hơn về phạm vi thông tin được tiếp cận, thuận lợi hơn về trình tự, thủ tục tiếp cận thông tin cho công dân và bảo đảm hơn quyền của người dân thì áp dụng quy định của luật đó. Luật tiếp cận thông tin sẽ lấp những “khoảng trống” của pháp luật trong từng lĩnh vực, văn bản cụ thể không có quy định về quyền tiếp cận thông tin của người dân.

- Về chủ thể tiếp cận thông tin: do pháp luật hiện hành có quy định không chỉ công dân mà cả các tổ chức cũng như người nước ngoài cũng được tiếp cận thông tin, nhất là các thông tin được công bố công khai rộng rãi. Do đó, Luật cần quy định theo hướng công dân là chủ thể có quyền tiếp cận thông tin theo Hiến pháp năm 2013 và cơ quan nhà nước có trách nhiệm bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân, đồng thời Luật này cũng không giới hạn các luật chuyên ngành mở rộng chủ thể được tiếp cận thông tin.

- Luật tiếp cận thông tin cần phân biệt rõ phạm vi thông tin được tiếp cận và thông tin hạn chế tiếp cận, tiếp cận thông tin trong một số trường hợp đặc

biệt, trên cơ sở đó xác định rõ chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin; quy định hình thức, trình tự, thủ tục, thời hạn công bố công khai thông tin, cung cấp thông tin theo yêu cầu. Mục tiêu là phải đảm bảo để công dân thực hiện quyền tiếp cận thông tin một cách thuận tiện, nhanh chóng và ít tốn kém nhất.

Đối với thông tin hạn chế tiếp cận, Luật tiếp cận thông tin cần được quy định cụ thể vấn đề này để bảo đảm phù hợp với các quy định về hạn chế quyền con người, quyền công dân quy định tại khoản 2 Điều 14 Hiến pháp. Những quy định hạn chế cũng phải có mối quan hệ mật thiết với các luật chuyên ngành khác, như quy định về bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh, bí mật đời tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, các thông tin trong quá trình thanh tra, điều tra, kiểm toán... Đồng thời Luật tiếp cận thông tin cũng cần quy định nguyên tắc, điều kiện cung cấp thông tin hạn chế tiếp cận, trừ bí mật nhà nước, trong những trường hợp đặc biệt nhằm bảo vệ an toàn tính mạng, sức khỏe của con người, bảo vệ lợi ích cộng đồng, tránh việc lạm dụng dẫn tới vi phạm các quyền bí mật được pháp luật bảo vệ.

- Để bảo đảm thực thi quyền tiếp cận thông tin của công dân một cách có hiệu quả, Luật tiếp cận thông tin cần quy định về các biện pháp bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin như quy định về trách nhiệm của cơ quan cung cấp thông tin trong việc bảo đảm các nguồn lực và biện pháp cần thiết cho việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin; trách nhiệm của Chính phủ, bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp địa phương trong việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin; giám sát việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin; về việc giải quyết khiếu nại, tố cáo; xử lý vi phạm trong lĩnh vực cung cấp thông tin.

2. Kiến nghị về cụ thể hóa quy định của Hiến pháp về bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình; bổ sung quy định về bí mật công tác, bí mật công vụ.

Qua rà soát các quy định pháp luật thấy rõ có khoảng trống về quy định đối với bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình. Do đó, đề nghị bổ sung các chế định này trong Dự thảo Bộ Luật Dân sự (sửa đổi) hoặc nghiên cứu, xây dựng Luật về bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình. Đồng thời, cần nghiên cứu, bổ sung Tội xâm phạm đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình trong dự thảo Bộ luật Hình sự (sửa đổi) để đảm bảo thống nhất giữa các luật, phù hợp với tinh thần của Hiến pháp năm 2013.

Ngoài ra, để bảo đảm sự rõ ràng của các quy định pháp luật về bí mật công tác, bí mật công vụ mà hiện nay đang được quy định tại Nghị định số 71/1998/NĐ-CP ban hành quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan và Quyết định số 25/2013/QĐ-TTg về quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí. Cần có văn bản pháp luật bổ sung để làm rõ nội hàm của bí mật công tác, bí mật công vụ nhằm đảm bảo việc hạn chế quyền tiếp cận thông tin phải được quy định bằng luật.

3. Kiến nghị về việc xây dựng Luật bảo vệ bí mật nhà nước

Rà soát các quy định pháp luật cho thấy nhu cầu bức thiết cần phải hoàn thiện Pháp lệnh bảo vệ bí mật nhà nước cho đúng với phạm vi ảnh hưởng của VBQPPL này. Với tầm quan trọng của chế định này, Pháp lệnh bảo vệ bí mật nhà nước cần được phát triển lên thành Luật. Luật bảo vệ bí mật nhà nước nên được đưa vào chương trình chính thức xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội khóa XIII. Nếu được, Luật bảo vệ bí mật nhà nước sẽ được ban hành cùng thời điểm với Luật tiếp cận thông tin nhằm đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ giữa hai luật, tạo thuận lợi cho người dân trong việc thực hiện quyền và bảo đảm sự thuận lợi, an toàn cho cán bộ, công chức trong việc áp dụng luật, bảo vệ quyền của người dân đồng thời bảo vệ bí mật nhà nước./.

Tài liệu gửi kèm theo: *Phụ lục 01: Danh mục các quy định pháp luật được rà soát và Phụ lục 02: Bản tổng hợp rà soát các quy định pháp luật về bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân.*

Phụ lục 01
DANH MỤC RÀ SOÁT CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ TIẾP CẬN
THÔNG TIN TRONG CÁC LĨNH VỰC

1. Lĩnh vực quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội

- Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 7/9/2006 về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008.

- Nghị định số 140/2006/NĐ-CP ngày 22/11/2006 quy định việc bảo vệ môi trường trong các khâu lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển.

2. Lĩnh vực an toàn thực phẩm

- Luật an toàn thực phẩm năm 2010

- Nghị định 38/2012/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm,

- Thông tư 45/2012/TT-BCT quy định về hoạt động kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất các sản phẩm thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương

- Thông tư số 25/2010/TT-BNNPTNT Hướng dẫn việc kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm đối với hàng hóa có nguồn gốc động vật nhập khẩu, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 51/2010/TT-BNNPTNT

- Thông tư số 149/2013/TT-BTC quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm

3. Lĩnh vực lưu trữ

- Luật Lưu trữ 2011 (Điều 29, 30)

- Nghị định số 01/2013/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lưu trữ

4. Lĩnh vực môi trường

- Luật Bảo vệ môi trường 2014

- Luật Tài nguyên nước 2012

- Nghị định 201/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Tài nguyên nước

- Luật Bảo vệ và phát triển rừng 2004

- Nghị định 23/2006/NĐ-CP Về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng

- Nghị định số 99/2010/ NĐ-CP ngày 24 /9/2010 về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng

- Luật đa dạng sinh học năm 2008

5. Lĩnh vực nhà ở, xây dựng

- Luật Nhà ở 2014

- Luật Kinh doanh bất động sản 2014

- Luật Xây dựng 2014

6. Lĩnh vực tổ tụng

- Bộ luật TTHS

- Bộ luật TTDS

- Bộ luật TTHC
- Thông tư số 28/2014/TT-BCA của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về công tác điều tra hình sự trong Công an nhân dân.

7. Lĩnh vực thanh tra, kiểm toán

- Luật Thanh tra 2010
- Nghị định số 81/2011/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra
- Luật Kiểm toán nhà nước
- Luật Kiểm toán độc lập
- Nghị định 17/2012/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kiểm toán độc lập

8. Lĩnh vực báo chí

- Luật Báo chí ngày 28 tháng 12 năm 1989 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí ngày 12 tháng 6 năm 1999.

- Nghị định số 51/2002/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Báo chí; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí.

- Nghị định số 88/2012/NĐ-CP ngày 23/10/2012 của Chính phủ quy định về hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam.

- Nghị định số 72/2013/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet.

- Nghị định số 159/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, xuất bản.

- Nghị định số 174/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện.

- Thông tư số 15/2009/TT-BTTTT quy định về việc tổ chức Liên hoan phát thanh, truyền hình.

- Thông tư số 05/2011/TT-BTTTT quy định về giải quyết khiếu nại của người sử dụng dịch vụ trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

9. Lĩnh vực bảo hiểm y tế, khám bệnh, chữa bệnh

- Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2009

- Luật bảo hiểm y tế năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.

- Nghị định số 105/2014/NĐ-CP ngày 15/11/2014 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế (thay thế Nghị định số 62/2009/NĐ-CP) – có hiệu lực từ 01/1/2015.

- Nghị định số 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập.

- Nghị định số 117/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về y tế xã, phường, thị trấn.

- Thông tư số 10/2009/TT-BYT ngày 14/8/2009 hướng dẫn đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu và chuyên tuyến khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế.
- Thông tư số 16/2014/TT-BYT ngày 22/05/2014 hướng dẫn thí điểm về bác sĩ gia đình và phòng khám bác sĩ gia đình.

10. Lĩnh vực về phòng chống bệnh truyền nhiễm

- Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007;
- Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y;
- Nghị định số 05/2007/NĐ-CP ngày 09/01/2007 của Chính phủ về việc quy định phòng, chống bệnh dại ở động vật;
- Nghị định số 92/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm;
- Nghị định số 101/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về áp dụng biện pháp cách ly y tế, cường chế cách ly y tế và chống dịch đặc thù trong thời gian có dịch;
- Nghị định số 103/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm về kiểm dịch y tế biên giới;
- Thông tư số 02/2009/TT-BYT hướng dẫn vệ sinh trong hoạt động mai táng và hoả táng;
- Thông tư số 48/2009/TT-BNNPTNT ngày 4/8/2009 hướng dẫn các biện pháp phòng, chống bệnh dại ở động vật;
- Thông tư số 32/2012/TT-BTC quy định chế độ, quản lý và sử dụng kinh phí đối với người bị áp dụng biện pháp cách ly y tế, cường chế cách ly y tế;
- Thông tư số 26/2011/TT-BYT ban hành Danh mục bệnh truyền nhiễm, phạm vi và đối tượng phải sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế bắt buộc.

11. Lĩnh vực dược phẩm

- Luật dược năm 2005;
- Nghị định số 79/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật dược;
- Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BYT-BTC hướng dẫn đấu thầu mua thuốc trong các cơ sở y tế.

12. Lĩnh vực về phòng, chống nhiễm virus gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS)

- Luật phòng, chống nhiễm virus gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS);
- Nghị định số 176/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế.

- Nghị định số 108/2007/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27 tháng 6 năm 2007 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS)

- Thông tư liên tịch 20/2010-TTLT-BTTTT-BYT hướng dẫn việc ưu tiên về thời điểm, thời lượng phát sóng trên Đài phát thanh, truyền hình; dung lượng và vị trí đăng trên báo in, điện tử đối với thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống HIV/AIDS do Bộ Thông tin và Truyền thông - Bộ Y tế ban hành.

13. Lĩnh vực ban hành VBQPPL

- Luật ban hành VBQPPL năm 2008.

- Luật ban hành VBQPPL của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2004.

- Nghị định số 24/2009/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban hành VBQPPL.

- Nghị định số 91/2006/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ban hành VBQPPL của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

14. Lĩnh vực phòng, chống tham nhũng

- Luật Phòng, chống tham nhũng số 55/2005/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 01/2007/QH12 và Luật số 27/2012/QH13.

- Nghị định số 59/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng.

- Nghị định số 90/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định trách nhiệm giải trình của cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

15. Lĩnh vực bảo vệ trẻ em, người khuyết tật, người thiểu số, người cao tuổi

- Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em số 25/2004/ ngày 15 tháng 06 năm 2004 ;

- Nghị định số 71/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 08 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em;

- Nghị định số 36/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 03 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em;

- Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010;

- Nghị định 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật;

- Nghị định số 05/2011/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14 tháng 01 năm 2011 về công tác dân tộc;

- Thông tư 12/2014/TT-BVHTTDL ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 về công tác dân tộc;

- Thông tư 04/2014/TT-UBDT ngày 01 tháng 12 năm 2014 của Ủy Ban dân tộc quy định chế độ thông tin, báo cáo về công tác dân tộc.

- Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;

- Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người cao tuổi.



NHQuang&Associates
Website: www.nhquang.com